

Số: 280/BC-UBND

Hạ Long, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

PHẦN THỨ NHẤT

Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sau khi sáp nhập thành phố Hạ Long và huyện Hoành Bồ (Nghị quyết số 837/NQ-UBTVQH14, ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp nhập địa giới hành chính của huyện Hoành Bồ vào thành phố Hạ Long), Thành phố Hạ Long là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng Ninh; Hạ Long là thành phố đô thị loại I trực thuộc tỉnh, với diện tích tự nhiên khoảng 1.121,322 km², diện tích mặt biển khoảng 402 km², gồm 33 đơn vị hành chính (21 phường, 12 xã), 243 thôn, khu phố; có chiều dài bờ biển trên 50 km, 32 km tuyến đê sông, đê biển, hơn 875,9 km² là diện tích đồi núi chiếm 78,2% diện tích đất liền.

Dân số toàn Thành phố có 322.710 người, gồm 32 dân tộc, người dân tộc thiểu số (DTTS) có 23.572 người, chiếm 7,3 %¹. Đồng bào DTTS chủ yếu sống tại 11 xã miền núi (trừ xã Lê Lợi)², vùng cao của Thành phố. Thành phố có di sản kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, có văn hóa đặc sắc của các dân tộc bản địa vùng cao, có cảnh quan Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng cùng nhiều di tích lịch sử văn hóa; các khu du lịch, cảng tàu khách quốc tế, cảng hàng hóa và các khu, cụm công nghiệp.....thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với ngành giáo dục đào tạo thành phố, sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết 29- NQ/TW, với những lợi thế trong phát triển kinh tế, xã hội và vị thế là thành phố thủ phủ nên những năm qua, thành phố Hạ Long có nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thành phố luôn

¹ Số liệu tổng điều tra dân số 01/4/2019

² Danh sách 11 xã có đồng bào DTTS: Dân Chủ, Sơn Dương, Quảng La, Hòa Bình, Tân Dân, Thống Nhất, Bằng Cả, Đồng Sơn, Kỳ Thượng, Vũ Oai, Đồng Lâm.

nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh, sự phối hợp, tạo điều kiện của các sở, ban, ngành, sự ủng hộ, trách nhiệm của các bậc phụ huynh học sinh do đó thành phố nhiều năm liền là đơn vị đứng đầu toàn tỉnh về chất lượng giáo dục và đào tạo.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Tỉnh, sự phối hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ban, ngành có liên quan, sự đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo của toàn ngành giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo Thành phố đã có những bước phát triển tương đối toàn diện. Quy mô và chất lượng giáo dục từng bước được nâng cao; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý được quan tâm bồi dưỡng; cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường học được tăng cường; kỷ luật, kỷ cương, nền nếp trong quản lý, đặc biệt là chất lượng giáo dục đào tạo có chuyên biến tích cực. Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố luôn là đơn vị dẫn đầu trong toàn Tỉnh về quy mô, chất lượng giáo dục, mức đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ công tác dạy và học.

Năm học 2022 - 2023 (tính đến tháng 3/2023), toàn thành phố có 120 trường³ từ mầm non đến trung học phổ thông (90 trường công lập, 30 trường ngoài công lập - tỷ lệ 25%), ngoài ra, trên địa bàn thành phố có 01 Trung tâm HN&GDTX tỉnh, 01 Trung tâm GDNN&GDTX Hạ Long, 159 cơ sở mầm non tư thục độc lập. So với năm học 2021-2022, Số trường không tăng. Ngoài ra trên địa bàn thành phố còn có 61 trung tâm ngoại ngữ (tăng 09 trung tâm so với năm 2021), 20 trung tâm giáo dục kỹ năng sống. Về số lớp, số học sinh toàn thành phố⁴ có 95.682 học sinh, 3.030 lớp, trong đó: công lập có 76.866 học sinh, 2.170 lớp; Ngoài công lập có 18.816 học sinh (tỷ lệ: 19,7 %), 860 lớp. So với năm học 2013-2014 (năm đầu tiên triển khai thực hiện NQ 29-NQ/TW), toàn thành phố tăng 08 trường (01 trường công lập và 07 trường ngoài công lập), tăng 30.640 trẻ học sinh, 886 lớp (MN tăng 4.673 trẻ, 412 lớp; TH tăng 12.185 học sinh, 237 lớp; THCS tăng 10.227 học sinh, 168 lớp; THPT tăng 3.555 học sinh, 69 lớp. Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia so với năm 2013 tăng 20 trường, tăng 20,1% (năm 2013 có 44 trường đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 36,6%, hiện có 68 trường, đạt tỷ lệ 56,7%).

II. QUÁ TRÌNH QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

³ Mầm non: 47 trường (34 trường công lập, 13 trường ngoài công lập). Tiểu học: 21 trường công lập. Trung học cơ sở : 19 trường công lập. Tiểu học- Trung học cơ sở: 16 trường công lập. Trung học phổ thông: 10 (8 trường công lập, 2 trường ngoài công lập). Tiểu học- trung học cơ sở- trung học phổ thông: 7 trường ngoài công lập

⁴ - **Mầm non:** 21.219 học sinh, 1036 nhóm, lớp (Công lập: 11.714 học sinh, 451 nhóm lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 3 lớp, 56 học sinh). (Ngoài công lập: 9505 học sinh, 585 nhóm lớp, so với năm học 2021-2022, tăng 47 lớp, 746 học sinh). **Tiểu học:** 34.841 học sinh, 1027 lớp, trong đó Công lập: 32.128 học sinh, 929 lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 3 lớp, giảm 964 học sinh. Lý do giảm học sinh mà vẫn tăng lớp do lớp 5 ra trường có sĩ số học sinh/ lớp vượt quy định, tính lớp 5 năm học 2021-2022 của khối tiểu học thuộc 20 phường: 4665 học sinh/ 116 lớp – tỷ lệ 40,2 hs/ lớp, lớp 1 năm học 2022-2023 vào trường đảm bảo sĩ số không quá 35 học sinh/ lớp). Ngoài công lập: 2713 học sinh, 98 lớp; so với năm học 2021-2022 tăng 113 học sinh, tăng 2 lớp. **Trung học cơ sở:** 25.143 học sinh, 614 lớp; Công lập: 23.464 học sinh, 560 lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 28 lớp, 891 học sinh. Ngoài công lập: 1679 học sinh, 54 lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 106 học sinh, tăng 1 lớp. **Trung học phổ thông:** 14.479 học sinh, 353 lớp (Công lập: 9560 học sinh, 230 lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 615 học sinh, 6 lớp) (Ngoài công lập: 4919 học sinh, 123 lớp; so với năm học 2021-2022, tăng 945 học sinh, 19 lớp)

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết

Ngay sau khi có *Nghị quyết 29- NQ/TW*, Thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức các hội nghị học tập, nghiên cứu, quán triệt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp và tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ với nhiều hình thức như tại các hội nghị, cuộc họp, buổi sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn...; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan thông tin tuyên truyền đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung các Nghị quyết, Chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và thành phố trên các phương tiện thông tin đại chúng⁵.

2. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

- Thành ủy Hạ Long đã ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 26/4/2013 “*về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*” (viết tắt là *Chương trình 21 của Thành ủy*). Công văn 684- CV/TU ngày 20/9/2021 về việc Tiếp tục thực hiện kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Đồng thời, công tác giáo dục và đào tạo của thành phố hằng năm được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong Nghị quyết nhiệm vụ công tác của Thành ủy, Nghị quyết của HĐND thành phố, Kế hoạch của UBND thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội các năm từ 2013 đến 2023.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản, kế hoạch hướng dẫn triển khai thực hiện (Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 26/03/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “*Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025*” trên địa bàn thành phố Hạ Long; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “*Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025*” trên địa bàn thành phố Hạ Long; Kế hoạch hành động số 243/ KH- UBND ngày 07/9/2020 về Thực hiện Quyết định số 628/ QĐ- TTg ngày 11/5/2020 của TTCP ban hành kế hoạch thực hiện kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội nghĩa và hội nhập quốc tế*”; Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND Thành phố “*Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì và xây dựng trường học*

⁵ Đại Truyền thanh - Truyền hình; Cổng thông tin điện tử, Bản tin sinh hoạt chi bộ của thành phố; hệ thống loa truyền thanh của thành phố và cơ sở...

đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”; Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND thành phố “Thực hiện Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Hạ Long giai đoạn 2021 – 2025”; Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND Thành phố “Triển khai, thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo của thành phố Hạ Long năm học 2021 - 2022 theo Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 04/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng”; Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố “Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2021-2025 tại các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc trên địa bàn thành phố Hạ Long”; Kế hoạch 128/KH-UBND ngày 20/4/2020 của UBND thành phố Hạ Long về việc triển khai thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông; Kế hoạch hành động số 243/KH-UBND ngày 07/9/2020 của UBND Thành Phố về thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND thành phố về thực hiện Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. (Phụ lục 1 kèm theo)

- Trong 10 năm qua, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo sơ, tổng kết nhiều chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tỉnh và thành phố về công tác giáo dục và đào tạo, cụ thể: (1) Sơ kết 02 năm thực hiện Kế hoạch 91-KH/TU ngày 06/8/2014 của BTV Thành ủy về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. (2) Sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 05/3/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị TW 8 khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”; (3) Sơ kết 03 năm và tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TV ngày 12/11/2010 của BTV Tỉnh ủy về “đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập trong thời kỳ CNH, HĐH giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020”; (4) Đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập GDTH và THCS, tăng cường phân luồng học sinh sau THCS và xóa mù chữ cho người lớn; (5) Tổng kết 05 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 20/12/2011 của BTV Tỉnh ủy khóa XIII về việc chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh gắn với sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 27/4/2016 của BTV Tỉnh ủy; (6) Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; (7) Kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị 40-

CT/TW, ngày 15/6/2004 của Ban Bí thư “*về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*”; (8) Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT gắn với sơ kết 01 năm thực hiện Chỉ thị 04-CT/TU ngày 27/4/2016 của BTV Tỉnh ủy; (9) Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; (10) Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/08/2008 của BCH Trung ương Đảng khóa X về “xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Hằng năm, UBND thành phố tổ chức Hội nghị tuyên dương học sinh giỏi, xuất sắc năm học của các trường học trên địa bàn thành phố. Đặc biệt, trong năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức Hội nghị tuyên dương 106 gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập tiên tiến thành phố lần thứ III (2012-2017) nhằm tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập, hướng tới mục tiêu xã hội học tập, thành phố thông minh.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 29-NQ/TW qua các giai đoạn 5 năm, 10 năm

- Từ năm 2013-2023, Thành phố Hạ Long và Huyện Hoàn Bô đã thực hiện *60 cuộc* (trong đó 04 cuộc kiểm tra, 04 cuộc giám sát và 52 cuộc thanh tra) đối với Phòng GD&ĐT và các đơn vị trường học trên địa bàn, cụ thể:

Năm 2013, Thành phố Hạ Long thực hiện *01 cuộc giám sát* về việc thực hiện chấp hành các quy định của nhà nước trong việc dạy thêm, học thêm; việc quản lý các quỹ trong các trường học trên địa bàn thành phố tại 09 đơn vị (gồm phòng GD&ĐT thành phố và 08 trường học thuộc thành phố quản lý). Huyện Hoàn Bô thực hiện 05 cuộc: (1) Trường Mầm non thị trấn Trới; (2) Trường Mầm non Bằng Cả; (3) Trường Mầm non Thống Nhất; (4) Trường Tiểu học Quảng La; (5) Trường TH&THCS Hòa Bình.

Năm 2014, Thành phố Hạ Long thực hiện *01 cuộc giám sát* việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các nguồn thu đóng góp của cha mẹ học sinh của một số trường học thuộc thành phố Hạ Long. Huyện Hoàn Bô thực hiện 06 cuộc thanh tra: (1) Trường Trung học cơ sở Thống Nhất, (2) Trường Tiểu học Lê Lợi, (3) Trường Tiểu học Đồng Lâm, (4) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vũ Oai, (5) Trường Trung học cơ sở Lê Lợi, (6) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Sơn.

Năm 2015: Thành phố Hạ Long thực hiện 01 cuộc: Trường THCS Bãi Cháy với Nội dung thanh tra: Thanh tra công tác quản lý tài chính và sử dụng ngân sách nhà nước (Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 “V/v phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2015”. Huyện Hoàn Bô thực hiện 09 cuộc thanh tra: (1) Trường Mầm non Hòa Bình; (2) Trường PTDT bán trú THCS Đồng Lâm; (3) Trường mầm non Kỳ Thượng; (4) Trường mầm non Quảng La;

(5) Trường tiểu học Tân Dân; (6) Trường TH&THCS Dân Chủ; (7) Trường THCS Tân Dân; (8) Phòng giáo dục và Đào tạo huyện; (9) Trường THCS thị trấn Trới.

Năm 2016, Thành phố Hạ Long thực hiện 03 cuộc: *01 cuộc kiểm tra* của BTV Thành ủy "về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai công tác tuyển dụng, quản lý và sử dụng biên chế của thành phố" đối với HĐND, UBND thành phố, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc thành phố, phòng GD&ĐT thành phố, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể thành phố và Đảng ủy các phường (Quyết định số 275-QĐ/TU, ngày 09/8/2016 của BTV Thành ủy); *01 cuộc giám sát* của HĐND thành phố về công tác tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo, tuyển sinh và các khoản đóng góp của học sinh các trường học trên địa bàn thành phố tại 11 đơn vị (gồm phòng Nội vụ, phòng GD&ĐT thành phố và 09 trường học thuộc thành phố quản lý). *Phối hợp thực hiện 01 cuộc khảo sát* về công tác giáo dục và đào tạo của Ban Tuyên giáo Trung ương⁶. Huyện Hoàn Bô thực hiện 09 cuộc Thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí: (1) Trường THCS thị trấn Trới; (2) Mầm non Đồng Sơn; (3) Trường mầm non Đồng Lâm; (4) Trường mầm non Vũ Oai; (5) trường tiểu học Sơn Dương; (6) Trường TH&THCS Bằng Cả; (7) Trường TH&THCS Kỳ Thượng; (8) Trường THCS Sơn Dương; (9) Trường tiểu học Thống Nhất.

Năm 2017, Thành phố Hạ Long thực hiện 02 cuộc: *01 cuộc kiểm tra* của BTV Thành ủy "về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện cải cách hành chính và phát triển nguồn nhân lực ở các chi đảng bộ trực thuộc và các phòng ban, đơn vị thuộc thành phố" tại 15 đơn vị trong đó có Trường THPT Vũ Văn Hiếu (Quyết định số 407-QĐ/TU ngày 29/3/2017 của BTV Thành ủy). *01 cuộc thanh tra* của Thanh tra thành phố về thanh tra tài chính, ngân sách và các khoản đóng góp tự nguyện của trường Tiểu học Trần Hưng Đạo (Quyết định số 312/UBND ngày 24/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố). Huyện Hoàn Bô thực hiện 02 cuộc Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí: (1) trường mầm non Dân Chủ; (2) trường mầm non Sơn Dương.

Năm 2018, Thành phố Hạ Long thực hiện 02 cuộc: *01 cuộc kiểm tra* của BCH Thành ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với một số chi, đảng bộ trực thuộc Thành ủy tại 10 đơn vị (Quyết định số 616- QĐ/TU, ngày 05/02/2018 của BCH Đảng bộ Thành phố). *01 cuộc thanh tra* của Thanh tra thành phố về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán; việc thực hiện quản lý và sử dụng các khoản thu, chi ngân sách, mua sắm tài sản công, các khoản đóng góp khác giai đoạn 2016-2017. Huyện Hoàn Bô thực hiện 01 cuộc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí tại trường Trung học cơ sở Thống Nhất, huyện Hoàn Bô.

Năm 2019, Huyện Hoàn Bô thực hiện 04 cuộc: Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách tại trường TH&THCS Đồng Sơn;

⁶ Theo Kế hoạch 91-KH/TU, ngày 18/11/2016 của Tỉnh ủy về "làm việc với Đoàn công tác của Ban Tuyên giáo Trung ương khảo sát".

Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách; thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trường Mầm non Lê Lợi; Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách; thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trường Mầm non Bằng Cả; Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách; thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại Trường phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Đồng Lâm 1.

Năm 2020: Sau khi sáp nhập Huyện Hoàn Bồ về Thành phố Hạ Long. UBND thành phố Hạ Long đã tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn (05 cuộc): Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 25/2/2020 Của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020 (trong đó: (1) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018-2019 tại Trường Trung học cơ sở Việt Hưng; (2) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học do phòng Giáo dục và đào tạo Thành phố thực hiện từ 2018-2019; (3) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018 -2019 tại Trường Mầm non Hoa Hồng; (4) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018-2019 tại trường TH &THCS Vũ Oai; (5) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018-2019 Trường TH &THCS Hòa Bình.

Năm 2021: UBND thành phố Hạ Long đã tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn (05 cuộc), ban hành Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 15/1/2021 Của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2021 (trong đó: (1) thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường MN Bãi Cháy; (2) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường THCS Sơn Dương; (3) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019- 2020 tại Trường TH Quang Trung; (4) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường TH Lý Thường Kiệt; (5) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 -2020 tại trường MN Bạch Đằng.

Năm 2022: UBND thành phố Hạ Long đã tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn (02 cuộc); Quyết định số 12936/QĐ-UBND ngày

29/12/2021 Của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2022 (trong đó: (1) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ tại Trường THCS Trới- Quý III/2022; (2) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ tại Trường TH- THCS Hùng Thắng- Quý III/2022.

Năm 2023: Thành phố thực hiện trong Quý I; 01 cuộc Trường Tiểu học Trới. Ban tuyên giáo Thành ủy Hạ Long thực hiện 01 cuộc: Kiểm tra đối với một số cấp ủy. Tổ chức đảng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 18/12/2017 của Tỉnh ủy về một số giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đối với: Các chi bộ: phòng Giáo dục và Đào tạo. Trường THCS Trần Quốc Toàn, THCS Trọng Điểm; THCS Hồng Hải; THCS Bãi Cháy. (Quý I/2023).

Ngoài ra, hàng năm UBND Thành phố chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiều cuộc thanh, kiểm tra phù hợp với tình hình thực tiễn, chức năng nhiệm vụ (1) Kiểm tra việc triển khai thực hiện phòng chống dịch bệnh COVID-19; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học; kiểm tra công tác quản lý của hiệu trưởng nhà trường và kiểm tra theo các chuyên đề: Công tác tổ chức bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm; hoạt động của tổ nhóm chuyên môn, hoạt động sư phạm của giáo viên (các nhà trường thực hiện công tác kiểm tra nội bộ trường học đã kiểm tra được 100% giáo viên); tổ chức và hoạt động dạy bán trú; ngoại ngữ, tin học, dạy thêm học thêm; thực hiện chương trình, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; thu, chi quản lý sử dụng các khoản đóng góp của học sinh và cha, mẹ học sinh; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học; công tác kiểm tra nội bộ; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; kiểm tra việc tổ chức và hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục ngoài công lập; kiểm tra việc hoàn thành chương trình tiểu học, xét tốt nghiệp cấp trung học cơ sở, kiểm tra kết quả tuyển sinh TH; THCS. (2) Tổ chức lồng ghép kiểm tra chuyên ngành với kiểm tra thực hiện công khai, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nội quy, quy định trường học của cán bộ, giáo viên và một số nội dung về cải cách hành chính tại các trường học công lập. (3) Lãnh đạo, công chức, cán bộ quản lý trường học và cộng tác viên thanh tra giáo dục đã tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra giáo dục do Sở GD&ĐT tổ chức. (4) Tổ chức kiểm tra chuyên ngành với kiểm tra thực hiện công khai, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nội quy, quy định trường học của cán bộ, giáo viên.

Tháng 6/2018, Thành phố đã chỉ đạo thực hiện Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW. Hàng năm đều thực hiện lồng ghép việc sơ kết, đánh giá, gắn các nội dung của Nghị quyết với việc kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của các phòng ban, đơn vị; các xã phường đặc biệt là ngành giáo dục

PHẦN THỨ HAI

Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu đã đề ra tại Chương trình hành động số 26-CTr/TU

Đề thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, thành phố và nghị quyết đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2020 - 2025 trong đó có các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhất là tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29, Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 05/3/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 29 (viết tắt là *Chương trình 26 của Tỉnh ủy*) và Chương trình 21 của Thành ủy. Hằng năm bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong nghị quyết công tác năm của Thành ủy, HĐND, kế hoạch của UBND thành phố để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

So sánh với những mục tiêu cụ thể đã đề ra trong Chương trình 26 của Tỉnh ủy và Chương trình 21 của Thành ủy, đến thời điểm hiện nay, thành phố đã thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đề ra, cụ thể:

1. Giáo dục mầm non

- **Mục tiêu đến 2020:** (1) Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo (2) Đảm bảo 100% trường mầm non đảm bảo tốt các điều kiện để nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ (3) Có ít nhất 40% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non (4) Có 90% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; Tỷ lệ trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi), thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đều giảm xuống dưới 5%

- **So sánh, đánh giá:** Đến nay, Thành phố Hạ Long đã đạt các mục tiêu (1), (2); vượt mục tiêu (4)- hiện = 96,7%, vượt 6,7%; chưa đạt mục tiêu (3)- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp= 36,7%, thấp hơn 3,3% so với mục tiêu đề ra. Nguyên nhân là do đến năm 2019 đã đạt mục tiêu, tuy nhiên, giai đoạn đại dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế, gây khó khăn cho phụ huynh dẫn tới chỉ tiêu huy động trẻ thấp hơn so với mục tiêu.

2. Giáo dục phổ thông

- **Mục tiêu đến 2020:** (1) 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; (2) Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; (3) Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99%; (4) Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở trung học cơ sở là 95%; (5) 30% học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học trung cấp nghề hoặc học trung cấp chuyên nghiệp; (6) 90% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương.

- **So sánh, đánh giá:**

Duy trì và đảm bảo mục tiêu đề ra tại các nội dung 1,2,3,4,6. Chưa đạt 30% học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học trung cấp nghề hoặc học trung cấp chuyên nghiệp (năm 2022, thành phố Hạ Long có 19,6% số học sinh Tốt nghiệp THCS học nghề): do nhận thức của học sinh, cha mẹ học sinh, công tác tư vấn nghề chưa thực sự hiệu quả cao; do các trường đào tạo nghề và các doanh nghiệp chưa kết nối chặt chẽ trong khâu phối hợp đào tạo theo nhu cầu sử dụng, việc dạy nghề và dạy văn hóa được thực hiện bởi 2 đơn vị khác nhau, thời gian học nghề và thời gian học văn hóa (để tốt nghiệp THPT) còn chênh lệch, chưa đáp ứng được nhu cầu vừa học văn hóa, vừa học nghề.

3. Giáo dục thường xuyên

- **Mục tiêu đến 2020:** (1) Tính đến năm 2020, số người biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 là 236.598/237.256 người, đạt tỷ lệ 99,7%, đạt mục tiêu đã đề ra (mục tiêu 99,7%). (2) các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở.

- **So sánh, đánh giá:** So với năm 2013, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-60 tăng 3,1%, việc tiếp nhận học sinh sau THCS đi học nghề hệ Trung cấp tăng 100% (năm 2013, các trường nghề không nhận học sinh sau THCS học Trung cấp nghề, các trung tâm GDNN-GDTX chỉ dạy nghề với trình độ sơ cấp). Trên địa bàn Thành phố hiện có 02 trung tâm GDNN-GDTX (Trung tâm GDNN-GDTX Tỉnh và Trung tâm GDNN-GDTX Hạ Long) và 02 trường cao đẳng nghề (trường Cao đẳng nghề Việt -Hàn và trường Cao đẳng nghề mở Hồng Cẩm), các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố có đủ khả năng tiếp nhận trên 30% học sinh tốt nghiệp THCS, đánh giá: Đạt.

4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn

- **Mục tiêu đến 2020:** (1) 100% cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị; (2) 100% giáo viên mầm non đạt chuẩn; (3) 70% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn; (4) 100% giáo viên giáo dục phổ thông đạt chuẩn; (5) 100% giáo viên tiểu học có trình độ đào tạo trên chuẩn; (6) 90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đào tạo trên chuẩn; (7) 20% giáo viên trung học phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn; (8) 100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn; (9) 90% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia.

- **So sánh, đánh giá:** Tính từ năm 2013 đến năm 2019, các mục tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên từ mầm non đến phổ thông đều đạt và vượt, Tuy nhiên từ năm 2020 (Theo Luật giáo dục 2019) đến nay, tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn chưa đạt mục tiêu (mới đạt 90,7%), tỷ lệ giáo viên mầm non có trình độ trên chuẩn là 81,3%, đạt và vượt so với mục tiêu; tỷ lệ giáo viên giáo dục phổ thông đạt chuẩn chưa đạt mục tiêu, hiện mới chỉ đạt 80,45%. Tỷ lệ giáo viên tiểu học có trình độ trên chuẩn chưa đạt, mới chỉ đạt 2,33%. Giáo viên

trung học cơ sở có trình độ đào tạo trên chuẩn mới chỉ đạt 9%. Tỷ lệ giáo viên THPT có trình độ đào tạo trên chuẩn hiện 37,2 %, đạt và vượt mục tiêu. Nguyên nhân của các mục tiêu chưa đạt do từ năm 2020 trình độ đào tạo của giáo viên Theo Luật giáo dục 2019. Thành phố Hạ Long đã chỉ đạo ngành giáo dục tiếp tục thực hiện lộ trình cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng chuẩn. Phân đầu đến năm 2025, có 100% giáo viên các bậc học đạt chuẩn, 30% đạt chuẩn nâng cao.

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trong Nghị quyết 29-NQ/TW

1. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

1.1. Về quan điểm “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, được ưu tiên đi trước một bước trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội”

Hàng năm, thành phố đã chỉ đạo việc thực hiện quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện đảm bảo thực chất, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo về giáo dục đào tạo (Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 15/7/2020 của UBND Tỉnh về thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 15/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51 của Ban Bí thư; Chương trình hành động 26-CTr/TU ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013. Triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 các cấp về triển khai công tác phòng, chống dịch COVID-19 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn; trong đó, khẩn trương triển khai thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021, Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ và các Nghị quyết của HĐND Tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo để bảo đảm không học sinh nào không được đến trường do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Tăng cường quán triệt các Chỉ thị của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ năm học; Chỉ thị số 15-CT/TU; Kết luận 51 của Ban Bí thư; Kế hoạch số 179/KH-UBND; Công văn số 684-CV/TU ngày 20/9/2021 của Thành ủy Hạ Long; Thông báo kết luận số 286-KL/TU ngày 03/9/2021 đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân gắn với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về giáo dục và đào tạo đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết Đảng bộ Thành phố lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025.

1.2. Kết quả công tác phát triển đảng, công tác chính trị, tư tưởng trong các trường học. Vai trò của chi bộ, đảng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

- Công tác Đảng trong trường học được coi trọng, vai trò của Chi bộ trường học được phát huy cao trong việc chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện

nhệm vụ chuyên môn. 100% chi bộ trong trường học đã chú trọng việc xây dựng quy chế làm việc và làm việc theo quy chế, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Các Chi bộ trường học đã thể hiện được vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của nhà trường. Đảng viên thể hiện vai trò gương mẫu, hoàn thành tốt công việc. Tổ chức xây dựng các tập thể đoàn kết vững mạnh và phối kết hợp chặt chẽ với chuyên môn trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, các chi bộ nhà trường cơ bản đều được công nhận là hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; chi bộ phòng giáo dục 04 năm đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và 04 lần được Đảng bộ Thành phố Hạ Long tặng giấy khen cho Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đảng viên toàn ngành có 1.715 người (tỷ lệ: 52,19%) Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp có 09 người, TC có 347 người.

Thành phố thường xuyên quan tâm công tác chính trị, tư tưởng trong toàn ngành: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến lý tưởng cách mạng, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật liên quan đến đời sống, học tập, việc làm; tuyên truyền tinh hoa văn hóa, giá trị nhân bản của nhân loại, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục các giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa, lối sống tốt đẹp của con người Việt Nam trong các trường học.

Công tác tổ chức bồi dưỡng giáo dục lý luận chính trị của Ngành giáo dục đã có nhiều chuyển biến tích cực; đổi mới về hình thức tổ chức (trực tiếp và trực tuyến) và tăng quy mô học viên (toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên), góp phần nâng cao trình độ và chất lượng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên được giáo dục lý luận ở cơ sở. Sau khi được học tập các Nghị quyết của Đảng và tham gia các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố có nhiều chuyển biến tích cực, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới của đất nước, của tỉnh; của thành phố tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được nâng lên. Đa số cán bộ, đảng viên, công chức viên chức, người lao động đã nêu cao vai trò hạt nhân lãnh đạo, năng động, sáng tạo trong mọi hoạt động tham mưu theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được phân công phụ trách.

Bộ phận trực tiếp tham mưu về công tác chính trị, tư tưởng của Ngành, các đồng chí lãnh đạo cấp ủy chi bộ trường học, giáo viên giảng dạy môn học giáo dục công dân, giáo viên tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, đội ngũ tuyên truyền viên, tư vấn học đường tiếp tục được củng cố, kiện toàn; năng lực công tác có bước chuyển biến đáng kể, từng bước đáp ứng việc thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong tình hình mới.

1.3. Công tác dự báo, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của ngành, địa phương; kết quả thực hiện chính sách đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực

Hằng năm, UBND thành phố xây dựng kế hoạch biên chế trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt giao số lượng người làm việc. Việc quản lý, sử dụng quản lý biên chế trong các đơn vị sự nghiệp đảm bảo theo cơ cấu cán bộ quản lý, giáo

viên, nhân viên, thực hiện theo đúng quy định theo Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/3/2015 về quy định danh mục vụ trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, thông tư có hiệu lực từ ngày 01/5/2015). Thông tư liên tịch số 16/2017/BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Thành phố Hạ Long thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các trường theo đúng các quy định của Trung ương, hướng dẫn của Tỉnh ủy, Thành ủy về công tác quy hoạch. Kết quả: Giai đoạn 2015 - 2020 (2016-2021) thực hiện quy hoạch cho 258 người, trong đó có 88 người được quy hoạch chức danh Hiệu trưởng (MN 38 người, TH 22 người, THCS 28 người) và 170 người được quy hoạch chức danh Phó hiệu trưởng (MN 47 người, TH 64 người, THCS 59 người)⁷; Bổ sung quy hoạch giai đoạn 2015 - 2020 (2016-2021), xây dựng quy hoạch giai đoạn 2020-2025 (2021-2026) đối với 278 người, trong đó: 79 người được quy hoạch giữ chức danh Hiệu trưởng (Mầm non 35 người, tiểu học 24 người, THCS 20 người); 199 người được quy hoạch chức danh Phó Hiệu trưởng (Mầm non 58 người, Tiểu học 82 người, THCS 59 người)⁸.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học được thực hiện theo các quy định tại Luật Viên chức và các quy định⁹ của Ban Thường vụ Thành ủy Hạ Long về việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành các quy trình cán bộ, Ban Thường vụ Thành ủy ra thông báo, UBND Thành phố ra quyết định điều động, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện đảm bảo theo đúng quy trình, thủ tục quy định. Đối với cán bộ dự kiến bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý đều dựa trên cơ sở nhu cầu cán bộ của đơn vị và nguồn quy hoạch đã được phê duyệt. Cán bộ, công chức, viên chức trước khi được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều được xem xét kỹ lưỡng về tiêu chuẩn chính trị, đạo đức lối sống, chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời xem xét năng lực lãnh đạo, quản lý, quy tụ cán bộ trước khi bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại. Cán bộ sau bổ nhiệm đều phát huy được năng lực sở trường, và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về công tác tuyển dụng: Tham mưu thực hiện tốt các cơ chế tuyển dụng, chính sách đãi ngộ, thu hút giáo viên có phẩm chất và năng lực tốt tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành GD&ĐT. Tuyển dụng bổ sung vị trí việc làm theo định biên còn thiếu, trong đó chú trọng bổ sung giáo viên Tiếng anh, Tin

⁷ Quyết định số 175-QĐ/TU ngày 25/4/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Hạ Long.

⁸ Quyết định số 187/QĐ-PGD&ĐT ngày 22/7/2019 của Phòng Giáo dục - Đào tạo Thành phố Hạ Long.

⁹ số 03-QĐ/TU ngày 08/9/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Hạ Long về việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 05/QĐ-TU ngày 19/8/2021 của Thành ủy Hạ Long về việc phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

học, Công nghệ, Thể dục và giáo viên các bộ môn văn hóa còn thiếu so với quy mô phát triển nhà trường để thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học đảm bảo vừa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao theo đề án vị trí việc làm, vừa đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí, tăng tính chủ động cho các nhà trường. Tham mưu bố trí đủ đội ngũ cán bộ quản lý cho các trường học, đặc biệt các trường trong lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tập trung bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán của ngành GDĐT thành phố. Tăng cường đội ngũ giáo viên cốt cán hỗ trợ đẩy mạnh các hoạt động về chuyên môn đối với các trường thuộc vùng khó khăn trên địa bàn thành phố.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đã được quan tâm, tạo điều kiện, triển khai hướng dẫn và đăng ký nhu cầu theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nhà nước, quản lý ngành... Công tác bồi dưỡng thường xuyên hàng năm được quan tâm đúng mức để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho tất cả các cán bộ quản lý và giáo viên trong toàn thành phố. 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Số cán bộ, công chức, viên chức sau khi được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đã áp dụng kiến thức đã học trong thực hiện công tác chuyên môn, chất lượng công chức, viên chức ngày càng được nâng cao phù hợp với tiêu chuẩn của từng vị trí công tác, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ và tình hình phát triển của địa phương, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo.

1.4. Kết quả giải quyết các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc xã hội (bệnh thành tích trong giáo dục; hiện tượng quá tải trong giáo dục; tình trạng dạy thêm, học thêm; bạo lực học đường...).

- Hàng năm, UBND thành phố Hạ Long đều thực hiện tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn¹⁰, trong đó (1) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách¹¹(2) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất trường học do phòng Giáo dục và đào tạo Thành phố thực hiện từ 2018-2019; Sở Giáo dục

¹⁰ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 25/2/2020 Của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020.

¹¹ Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018 -2019 tại Trường Mầm non Hoa Hồng; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018-2019 tại trường TH &THCS Vũ Oai; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách năm 2018-2019 Trường TH &THCS Hòa Bình.thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường MN Bãi Cháy; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường THCS Sơn Dương; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019- 2020 tại Trường TH Quang Trung; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân sách và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại Trường TH Lý Thường Kiệt; Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác quản lý thu chi, tài chính ngân và các khoản đóng góp, ủng hộ năm 2019 - 2020 tại trường MN Bạch Đằng.

và Đào tạo Quảng Ninh cũng đã thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn về thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn¹².

- Công tác kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo đã giải quyết dứt điểm theo quyền hạn. Trong 10 năm qua không để tồn đọng và báo cáo cấp trên đầy đủ, kịp thời. Đối với công tác kiểm tra DTHT: Định kỳ hằng tháng, quý và năm, căn cứ vào kế hoạch, Ban Chỉ đạo (BCĐ) hoạt động dạy thêm, học thêm của thành phố¹³ và phòng giáo dục và Đào tạo thành phố đã tiến hành 556 buổi thanh tra, kiểm tra đột xuất, 417 buổi thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề, 15 cuộc theo đơn thư, phản ánh của người dân¹⁴. Kết quả các đợt kiểm tra được đánh giá rút kinh nghiệm trong các cuộc giao ban thường kỳ với Hiệu trưởng các nhà trường của phòng GD&ĐT thành phố.

- Thành phố đã ban hành nhiều văn bản về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo, chấn chỉnh dạy thêm học thêm không đúng quy định Ban chỉ đạo hoạt động dạy thêm, học thêm của phường, xã đã tiến hành kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn. Các chi, đảng bộ trường học đã thành lập Ban kiểm tra nội bộ, xây dựng kế hoạch kiểm tra việc dạy thêm, học thêm hằng tháng; tổ chức kiểm tra, dự giờ giáo viên trong các tiết dạy theo kế hoạch hoặc đột xuất. Đồng thời thực hiện các cuộc thanh, kiểm tra đột xuất; kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra theo đơn thư, ý kiến phản ánh của người dân, qua đó phát hiện 03 trường hợp giáo viên tổ chức dạy thêm, học thêm không đúng quy định¹⁵ theo quy định của Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh, của Thành ủy, UBND Thành phố. Các nhà trường đã tổ chức kiểm điểm, xử lý kỷ luật giáo viên vi phạm theo quy định.

- Phổ biến, quán triệt trong toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trong toàn ngành GDĐT thực hiện các Thông tư của Bộ GD&ĐT và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND thành phố Hạ Long về việc tăng cường quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong các trường học, cơ sở giáo dục¹⁶. Hàng năm, cán bộ, viên chức, người lao động toàn ngành GDĐT

¹² Quyết định số 1813/QĐ-SGDĐT ngày 08/10/2019 Của Giám đốc Sở GDĐT Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020 (trong đó: (1) Thanh tra trường Tiểu học Võ Thị Sáu về Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Thanh tra trường mầm non Hoa Hồng về Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; (3) Thanh tra trường THCS Trới về Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Năm 2021: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã tiến hành thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục trên địa bàn: Quyết định số 2280/QĐ-SGD&ĐT ngày 30/10/2020 Của Giám đốc Sở GDĐT Quảng Ninh về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2021 (trong đó: (1) THCS Trới Hạ Long về Thanh tra chuyên ngành; (2) THCS Lê Văn Tám về Thanh tra chuyên ngành; (3) Trường Mầm Non Hoa Hồng về Thanh tra chuyên ngành.

¹³ Thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 14/02/2012 của UBND thành phố, gồm 15 đ/c trong đó đ/c Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách khối văn hóa xã hội làm Trưởng ban.

¹⁴ Về việc thực hiện các cam kết không dạy thêm, học thêm trái quy định đối với các trường học, cán bộ, giáo viên thuộc phạm vi quản lý; thực hiện lồng ghép trong các cuộc kiểm tra hành chính, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra thu, chi kinh phí; kiểm tra, chấn chỉnh một số đơn vị có đơn thư phản ánh, kiến nghị; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa công sở; thực hiện nội quy, quy định trường học của cán bộ, giáo viên, nhân viên tại các trường học...

¹⁵ 01 giáo viên trường THPT Hòn Gai, 01 giáo viên trường THPT Ngô Quyền và 01 giáo viên trường THPT Bãi Cháy.

¹⁶ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) “về việc ban hành Quy định dạy thêm, học thêm” và Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 “về việc công bố hết hiệu lực các điều 6,8,9,10,11,12,13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT; công văn số 7428/UBND-GD ngày

Thành phố được tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm. Nắm rõ các văn bản chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND Thành phố và Phòng GD&ĐT về công tác dạy thêm, học thêm. 100% các đơn vị tổ chức ký cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm. Phòng GD&ĐT Thành phố cũng đã làm tốt công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trong các nhà trường. Trong các năm học không có đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với các tập thể và cá nhân vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm. Từ năm 2020 đến nay, các trường có cấp THCS, THPT đều đăng ký tổ chức dạy thêm trong trường học. Qua giám sát các đơn vị thực hiện nghiêm túc, bám sát kế hoạch, thực hiện đúng đủ nội dung chương trình, phân công giảng dạy. Các nội dung thu, chi được thực hiện công khai, minh bạch. Không có phản ánh của phụ huynh và học sinh về những bất cập đối với việc tổ chức dạy thêm trong nhà trường.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học

2.1. Kết quả cụ thể công tác giáo dục các bậc học

- Tiếp tục thực hiện, phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ; thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2025. Tiếp tục tăng cường công tác huy động trẻ, nâng cao tỷ lệ trẻ em đến trường/lớp, được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non đồng thời đảm bảo tiêu chí nông thôn với đối với chỉ tiêu huy động trẻ. Huy động các nguồn lực nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, tiếp tục giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì. Đặc biệt nâng cao chất lượng bữa ăn, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của các trường mầm non vùng dân tộc thiểu số.

- Tập trung đổi mới phương thức dạy học chuyển từ dạy học truyền thụ nội dung sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học, giáo dục nhà trường gắn với giáo dục gia đình và cộng đồng. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, sử dụng hiệu quả hệ thống phòng học thông minh. Giáo dục thường xuyên thực hiện đa dạng hóa nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học. Rà soát, chuẩn bị các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp theo lộ trình hàng năm.

30/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “về việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh”; công văn số 3094/UBND-GD ngày 16/11/2020 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh “về hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”; báo cáo số 2087/BC-SGD&ĐT ngày 30/7/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh “về kết quả quản lý các hoạt động dạy thêm, học thêm trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2020-2021”; công văn số 10893/UBND-GD ngày 06/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long “về việc tăng cường quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố”.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, đặc biệt là học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế; tăng cường môi trường học tập, sử dụng ngoại ngữ, tin học, tổ chức hoạt động trải nghiệm và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật giáo dục STEM... ở các bậc học để đáp ứng mục tiêu phát triển của thành phố.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn các phường, xã. Tham mưu chỉ đạo quản lý tốt trẻ em theo địa bàn, tăng cường huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường/lớp, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn phổ cập. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chuẩn bị các điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em dưới 5 tuổi trong thời gian tới.

- Tiếp tục đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Duy trì, đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập¹⁷. Lãnh đạo thực hiện đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tham mưu xây dựng cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong công tác giáo dục hướng nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, tuyên truyền có hiệu quả cho phụ huynh học sinh và học sinh có nhận thức rõ về định hướng nghề nghiệp gắn với thực tế nhu cầu thị trường lao động của xã hội, phấn đấu hàng năm nâng tỷ lệ phân luồng học sinh sau trung học cơ sở tăng từ 2-3%. Phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời, cần gì học nấy của người dân.

- 100% các trường trên địa bàn thành phố tích cực đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học; Đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng đa dạng hình thức học tập, chú trọng các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. 100% các trường trung học chú trọng áp dụng phương thức giáo dục STEM trong giờ chính khóa (tổ chức thiết kế Bài học STEM theo 8 bước 5 hoạt động), thực hiện trải nghiệm STEM theo 3 trụ cột chính: Làm theo các thí nghiệm trong Chương trình; thực hành tái chế từ các nguyên vật liệu, thiết bị cũ; sáng chế, cải tiến, phát minh ra các sản phẩm có tính mới. Tham dự các cuộc thi Nghiên cứu Khoa học, sáng tạo

¹⁷ Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030 và Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030”

thanh thiếu niên nhi đồng hàng năm đạt giải cao¹⁸, cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh dành cho học sinh trung học¹⁹, cuộc thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh²⁰.

2.1.1. Giáo dục Mầm non

Giáo dục mầm non có nhiều đổi mới và chuyển biến tích cực trong vận dụng, áp dụng phương pháp tiên tiến nâng cao chất lượng giáo dục trẻ; 100% các trường đều thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non theo quan điểm phù hợp với bối cảnh địa phương, áp dụng phương pháp tiên tiến trên thế giới, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa vùng miền; 100% các trường mầm non áp dụng phương pháp STEM trong giáo dục trẻ (các phương pháp Montessori, Reggio Emilia; Glenn Doman) được các nhà trường chủ động tiếp cận và áp dụng. Đặc biệt trong hệ thống các trường mầm non ngoài công lập là những đơn vị tiên phong đi đầu trong đổi mới và áp dụng phương pháp tiên tiến mang tính hội nhập quốc tế và khu vực như: MN DongSim, MN Steame - Hạ Long, MN quốc tế học viện Anh Quốc (UK), MN Quốc tế Hoa Anh Đào Montessori.

- Việc xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; đảm bảo an toàn tuyệt đối và toàn diện cho trẻ; tình yêu thương, lòng yêu nghề của giáo viên là nội dung được quan tâm, trú trọng chỉ đạo thực hiện ở 100% các cơ sở giáo dục mầm non.

Kết quả: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp: 36,7% (tăng 6,7% so với năm 2013) - Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp: 96,3% (tăng 5,3% so với năm 2013). Duy trì tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp hằng năm đạt từ 99,9% trở lên. Duy trì tỷ lệ 100% trẻ được ăn bán trú, học 2 buổi/ngày, được đánh giá cân nặng, chiều cao trên biểu đồ tawng trưởng theo quy định. Duy trì tỷ lệ 100% trẻ được đánh giá sự phát triển theo quy định. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi luôn duy trì dưới 1%, tỷ lệ trẻ béo phì vẫn đang được khống chế.

2.1.2. Giáo dục Tiểu học

Chi bộ đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hướng dẫn các trường điều chỉnh nội dung, yêu cầu các môn học và hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của mỗi nhà trường; tích cực đổi mới phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học; ...góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, kích

¹⁸ Năm 2019 được nhận giấy khen của Liên hiệp hội Khoa học Tỉnh, học sinh dự thi đạt 05 giải cấp Tỉnh, 01 giải Ba cấp Quốc gia của học sinh Tiểu học; Năm 2020 Ủy ban nhân nhân Thành phố Hạ Long được nhận Bằng khen của UBND Tỉnh Quảng Ninh v/v tổ chức hiệu quả cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp Thành phố. Hai năm liền 2021; 2022, Thành phố Hạ Long là địa phương đạt Giải Nhất toàn đoàn cho Ban tổ chức cuộc thi có số lượng và chất lượng giải tốt nhất Trong 2 năm liền Thành phố Hạ Long đạt giải Nhất. Năm 2021: Tham gia cuộc thi cấp Tỉnh toàn Thành phố đạt 11 giải trong đó: 01 Giải Nhất; 01 Giải Nhì; 9 giải Khuyến khích. Năm 2022: Tham gia cuộc thi cấp Tỉnh toàn thành phố đạt 15 giải trong đó: 03 Giải Nhì; 04 giải Nhất; 08 Giải Khuyến khích.

¹⁹ từ năm học 2013-2014 đến nay, thành phố luôn tổ chức cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Thành phố đạt số lượng từ 30 đến 40 sản phẩm tham gia có chất lượng, sau đó lựa chọn sản phẩm dự thi cấp Tỉnh, năm 2015, có 01 dự án dự thi vượt qua vòng thi cấp Tỉnh tham dự vòng thi cấp Quốc gia, từ năm 2016 đến nay, mỗi năm học sinh thành phố dự thi cấp Tỉnh đạt từ 3 đến 6 giải cấp Tỉnh (Năm học 2021-2022 đạt 06 giải cấp Tỉnh; Năm học 2022-2023 đạt 03 Giải Ba cấp Tỉnh).

²⁰ Năm 2017: đạt 01 giải Khuyến khích, năm 2018: đạt 01 giải 3.

thích sự đam mê, tìm tòi, khám phá của học sinh; tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn trong trường và giữa các cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học; tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, giảng dạy, sử dụng có hiệu quả phần mềm, thiết bị dạy học hiện đại, phòng học thông minh được trang cấp; cập nhật hồ sơ điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường; Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới; tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ nghiêm túc, đảm bảo khách quan; Thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật, tự kỷ; Thực hiện tốt công tác bán trú, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các nhà trường.

Kết quả cụ thể: Tổng số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Số trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 99,12%. Kết quả học tập các môn học và hoạt động giáo dục: Hoàn thành và hoàn thành tốt: 32.874/33.111 (đạt tỉ lệ 99,3%); Chưa hoàn thành: 237/33.111 (tỉ lệ 0,7%). Các trường tiêu biểu: Tiểu học Hạ Long, Trần Hưng Đạo, Bãi Cháy, Trần Quốc Toản; Hà Lâm, Lê Hồng Phong, Tiểu học Trới; các trường nhiều cố gắng: Tiểu học Việt Hưng, Cao Xanh, Lý Thường Kiệt, Minh Hà, Tiểu học Sơn Dương, Tiểu học Lê Lợi...

2.1.3. Giáo dục Trung học cơ sở

- Các trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản những nội dung dạy học vượt quá mức độ cần đạt (Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của từng cấp học, thời lượng của mỗi tiết học); rà soát điều chỉnh để tránh trùng lặp nội dung giữa các môn học, hoạt động giáo dục; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu. 100% các trường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học đạt hiệu quả; chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, rà soát, sắp xếp lại các nội dung trùng lặp trong các môn học, thay đổi các thông tin cũ trong SGK bằng các thông tin từ năm 2016 theo nguồn từ Cục thống kê Việt Nam.

- Chú trọng giáo dục truyền thống; giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống; các vấn đề về xã hội, thực hành pháp luật; thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, giáo dục Quốc phòng an ninh, tình hình biên giới, hải đảo; tổ chức các hoạt động trải nghiệm...100% các trường THCS từng bước tổ chức Giáo dục STEM, đưa phương thức Giáo dục STEM vào các tiết học chính khóa trên nguyên tắc: dạy học tích hợp liên môn, học thông qua hành; tổ chức hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.100% các trường có cấp THCS thực hiện công tác phân luồng sau trung học cơ sở đạt hiệu quả thông qua hoạt động tư vấn: Cùng bạn chọn nghề cho tương lai; năm học 2018-2019 số học sinh sau TN THCS lựa chọn học nghề là 11%, tăng 2,6% so với năm học trước. Các Câu lạc bộ “Em làm hướng dẫn viên du lịch”; câu lạc bộ nghiên cứu

khoa học, giáo dục theo phương thức STEM, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, mỹ thuật được thành lập ở nhiều trường có cấp THCS, góp phần phát triển năng khiếu và hướng nghiệp cho học sinh.

- Thực hiện thành công đề tài khoa học cấp cơ sở về giáo dục hình thành cho học sinh THCS thành phố Hạ Long các phẩm chất năng lực của người dân vùng du lịch. Tổ chức thành công các cuộc thi, hội thi như: Hội thi Giáo viên dạy giỏi; Kỳ thi chọn Học sinh giỏi; Giới thiệu cuốn sách em yêu; Nghiên cứu khoa học; Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng; Robocon...Thực hiện tốt công tác Bồi dưỡng đội ngũ thông qua tổ chức các chuyên đề, tập huấn chuyên môn, đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn:

+ Toàn thành phố đã tổ chức: 01 chuyên đề cấp Tỉnh tại THCS Cao Thắng về “Giáo dục STEM trong giảng dạy môn Vật Lý THCS”; 01 chuyên đề cấp Thành phố “về việc sử dụng các thiết bị thông minh trong dạy học”, nội dung báo cáo và thực nghiệm chuyên đề được truyền từ hội nghị trung tâm về các điểm cầu theo hình thức trực tuyến; tổ chức nhân rộng thành công 92 chuyên đề trong đó 62 chuyên đề cấp trường, 39 chuyên đề cấp cụm.

+ Tổ chức tập huấn chuyên môn cho 1.264 lượt cán bộ, giáo viên THCS về giáo dục kỹ luật học sinh, triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018, dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

+ Đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học (có 907 tiết học được thực hiện).

Kết quả cụ thể: Hàng năm tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,5% trở lên; Học sinh xếp loại hạnh kiểm Tốt, khá đạt tỉ lệ 97% trở lên; Tỷ lệ học lực giỏi, khá đạt tỉ lệ 70% trở lên. Giảm đáng kể số học sinh học lực yếu, kém và hạnh kiểm trung bình, hạnh kiểm yếu qua từng năm. Thành phố Hạ Long luôn là đơn vị dẫn đầu trong toàn tỉnh về chất lượng và số lượng giải học sinh giỏi các cấp. Đơn vị tham gia đầy đủ các cuộc thi do ngành tổ chức, số học sinh giỏi các cấp tăng hàng năm.

2.2. Kết quả đạt được nổi bật của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp; dạy ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, đảm bảo năng lực sử dụng của người học.

- Bên cạnh việc chỉ đạo sát sao các hoạt động chuyên môn, công tác giáo dục ý thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức luôn được Thành phố chú trọng. Thông qua các bài học chính trị được tổ chức thường xuyên vào đầu năm học cho cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn ngành, các nội dung về giáo dục nhiệm vụ quốc phòng - an ninh được tuyên truyền lồng ghép. Trong nhiệm kỳ cử trên 300 lượt cán bộ, giáo viên đi tập huấn bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 4. Các trường học thực hiện tốt công tác tuyên truyền tới mọi cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên toàn ngành về chủ quyền biển đảo của Việt Nam, đồng thời đảm bảo trật tự an ninh trường học, ổn định công tác giảng dạy; quan tâm đến công tác phối hợp với chính quyền địa phương

bảo đảm tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn trong nội bộ cơ quan, các trường học.

- Chỉ đạo ngành giáo dục hướng dẫn các trường thực hiện kế hoạch tổng thể thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 chủ động, linh hoạt để thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, vừa bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Triển khai có hiệu quả các Đề án ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến và Dự án trường học thông minh, phát triển hệ thống hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin toàn ngành theo hướng đồng bộ, hiện đại; hoàn thiện việc triển khai sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc); triển khai tuyển sinh trực tuyến với các lớp đầu cấp học ở những nơi có điều kiện; phổ biến, tuyên truyền việc áp dụng phương pháp học trực tuyến (e-learning) trên hệ thống phần mềm quản lý bài giảng trực tuyến của ngành; phát động giáo viên tham gia xây dựng bài giảng e-learning; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, giáo viên. Triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu của Kế hoạch 159/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND thành phố về Kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hạ Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thành phố tiếp tục chỉ đạo thực hiện đổi mới dạy và học ngoại ngữ. UBND Thành phố đã ban hành kế hoạch²¹ “Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2021-2025 tại các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc trên địa bàn thành phố Hạ Long”; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án ngoại ngữ quốc gia theo nội dung Kế hoạch số 1134/KH-SGDĐT ngày 21/5/2018 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh triển khai các nhiệm vụ trọng tâm tại địa phương năm 2018 theo Đề án ngoại ngữ quốc gia. Đẩy mạnh công tác truyền thông, hợp tác trong quá trình triển khai các nhiệm vụ của Đề án ngoại ngữ quốc gia; xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ; Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án quốc gia; đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ.

- Tiếp tục tổ chức dạy học chương trình Song ngữ tiếng Pháp tại trường Tiểu học Hữu Nghị, dạy học tiếng Trung Quốc là ngoại ngữ 2 tại trường TH&THCS Bãi Cháy 2. Triển khai dạy học tiếng Anh là môn học chính thức đối với học sinh lớp 3, dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 6, lớp 7 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tổ chức đánh giá sơ kết 01 năm triển khai thực hiện kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2021 - 2025 tại các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc trên địa bàn thành phố Hạ Long”.

²¹ KH số 321/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố

2.3. Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong những năm qua, UBND thành phố chỉ đạo ngành giáo dục, 100% các chi bộ trường học, CB, GV, NV xây dựng chương trình hành động cá nhân và thực hiện ký cam kết tu dưỡng, rèn luyện, cam kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “*tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về “*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*”, Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*”. Tích cực đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình trong cán bộ, đảng viên, đấu tranh phòng chống tham nhũng lãng phí, luôn cảnh giác đẩy lùi các thế lực thù địch, âm mưu diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ của các phần tử xấu hiện nay.

Chỉ đạo 100% các trường triển khai, quán triệt các nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền 50 năm thực hiện Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019) và kỷ niệm 50 năm Ngày mất của Người (02/9/1969-02/9/2019). Các đơn vị lựa chọn các hình thức học tập, quán triệt, tuyên truyền phù hợp, cụ thể hóa như: Tổ chức Hội nghị, sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép với các hoạt động chuyên môn, tích hợp vào các môn học, các hoạt động giáo dục ngoại khóa trong trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh của nhà trường, trong đó chú trọng các yêu cầu của Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về “*đẩy mạnh học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ Quảng Ninh trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

- Chú trọng công tác giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, thể chất, truyền thống văn hóa lịch sử cho học sinh nhất là giáo dục lịch sử, truyền thống văn hóa con người Quảng Ninh. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trường học gắn với phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ; tăng cường phòng, chống tội phạm lừa đảo qua mạng xã hội và điện thoại; phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng dịch bệnh để hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo...

- Tăng cường tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục thể chất, y tế trường học; thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; xây dựng và triển khai thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong trường học theo Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”. Kịp thời biểu dương những tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục, đào tạo.

2.4. Công tác dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số.

Trên địa bàn Thành phố hiện có 8 xã có đông người dân tộc thiểu số sinh sống. Hiện nay UBND thành phố Hạ Long tiếp tục có kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2 Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 2.6.2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025". Trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ và tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt, vận dụng các yếu tố văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ vùng dân tộc thiểu số.

2.5. Hoạt động xây dựng chương trình theo hướng tinh giản nội dung; phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Phòng GD-ĐT đã chỉ đạo các nhà trường đổi mới phương pháp dạy học²², các nhà trường đã xây dựng kế hoạch chỉ đạo giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học cụ thể: Giáo viên các nhà trường đã tích cực tìm hiểu, tham khảo để nâng cao nhận thức về chủ trương của Bộ GD-ĐT trong việc đổi mới chương trình SGK và phương pháp giảng dạy. Thường xuyên tổ chức các chuyên đề xoay quanh vấn đề “Đổi mới phương pháp” nhằm tìm ra một giải pháp có tính khả thi và hiệu quả. Tham gia các đợt bồi dưỡng thường xuyên trong dịp hè và tổ chức thăm lớp dự giờ để nâng cao chất lượng giảng dạy. 100% số giáo viên không còn dạy theo lối “Đọc- chép” hoặc thiên về thuyết trình một chiều. Các nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt thao giảng, dự giờ thăm lớp để thống nhất phương pháp dạy học.

- Các phương pháp dạy học tích cực thường xuyên được triển khai trong nhà trường: Phương pháp dạy học theo nhóm, Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, Phương pháp giải quyết vấn đề, Phương pháp đóng vai, Phương pháp trò chơi, Phương pháp dự án, Phương pháp dạy theo góc... Các kỹ thuật dạy học thường xuyên triển khai: Kỹ thuật Đặt câu hỏi, kỹ thuật “Khăn trải bàn”, kỹ thuật chia nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm, KWL, Đọc tích cực, Viết tích cực, đóng vai, trình bày một phút, ba điều chúng em biết... 100% số bài học, 100% môn học có đổi mới phương pháp dạy học.

- Chỉ đạo các trường yêu cầu giáo viên khi xây dựng kế hoạch bài dạy

²² tại văn bản số 986/PGD&ĐT ngày 9/9/2021 v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022; văn bản số 916/PGD&ĐT ngày 05/9/2022 v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp tiểu học năm học 2022-2023.

(giáo án) phải bảo đảm các nội dung yêu cầu cụ thể về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu cùng với các yêu cầu²³ nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học. Việc tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn học được xây dựng cụ thể và thực hiện theo KH môn học đã xây dựng: Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Giao cho giáo viên dạy trong giờ trải nghiệm thực hiện đánh giá; Môn giáo dục địa phương: GV được phân công chịu trách nhiệm dạy kiểm tra, đánh giá bộ môn; khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập.

- Phòng GD&ĐT đã tổ chức 19 chuyên đề cấp thành phố về đổi mới phương pháp dạy học thuộc các môn học đáp ứng đổi mới chương trình sách giáo khoa, tiếp tục giao nhiệm vụ cho cụm chuyên môn thực hiện triển khai theo chủ điểm.

- Các nhà trường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức của học sinh, tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để học sinh cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn, đi sâu các hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; Phát huy hiệu quả triển khai các hoạt động giáo dục trong nhà trường và quan tâm công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên để đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục 2018; chỉ đạo nghiêm túc việc bồi dưỡng chương trình GD 2018, 100% giáo viên tham gia và hoàn thành các Modun theo chương trình bồi dưỡng của Bộ Giáo dục.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan

Thực hiện tốt việc đánh giá học sinh phổ thông theo quy định; 100% các trường chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại các thời điểm theo hướng dẫn.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Khuyến khích các nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, tính đến thời điểm hiện tại 100% các trường có cấp THCS đã có ngân hàng câu hỏi để phục vụ công tác đổi mới kiểm tra đánh giá. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

²³ Mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học, chú trọng đến các nội dung cốt lõi để tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp hoặc phối hợp giữa dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định (Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở GDPT và cơ sở giáo dục thường xuyên), bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

- Tổ chức tốt các Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố, thành lập đội tuyển dự thi cấp Tỉnh, kết quả: Hằng năm có từ 20% học sinh lớp 9 trở lên tham gia thi học sinh giỏi cấp Thành phố, đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp tỉnh có từ 200 đến 250 học sinh đạt giải cấp Tỉnh, trong đó số lượng giải Nhất, Nhì, Ba chiếm tỷ lệ cao.

- Hằng năm các trường trên địa bàn thành phố thực hiện công tác Tự đánh giá theo quy định; thực hiện đúng chức trách quy định tại Điều 43 của thông tư 17/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Tiểu học, thông tư 18/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, của thông tư 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non.

- UBND thành phố lập kế hoạch Kiểm định chất lượng hàng năm; căn cứ đề xuất từ các địa phương, Phòng GD&ĐT xây dựng chủ trương đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung nguồn lực để xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo điều kiện dạy và học, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, thu hẹp khoảng cách giữa giáo dục vùng cao và giáo dục vùng trung tâm.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

4.1. Xây dựng xã hội học tập

- Thành phố luôn quan tâm tạo điều kiện cho các hoạt động học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Hiện thành phố có 33 trung tâm học tập cộng đồng (THTCĐ/33 xã phường), 61 trung tâm ngoại ngữ (tăng hơn 50 trung tâm so với năm học 2013 – 2014), 20 trung tâm kỹ năng sống (giai đoạn năm học 2023 – 2014 chưa có trung tâm kỹ năng sống). Các trung tâm HTCĐ, ngoại ngữ, kỹ năng sống hoạt động hiệu quả, tạo điều kiện cho việc học tập cần gì học đấy của người dân.

- Công tác khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập luôn được quan tâm chú trọng. Ban Chấp hành Hội Khuyến học thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2020-2025, gồm có 51 người, Ban Thường vụ có 11 người. Ban chấp hành Hội Khuyến học cơ sở (33 phường, xã) có 234 người. Tổng số hội viên (hiện có) 89.765/tổng số dân số 300.267 người. Tỷ lệ hội viên/số dân = 33,45%; tổng số hội khuyến học cơ sở (xã, phường): 33; Tổng số Chi hội khuyến học trực thuộc HKH cơ sở: 225. Tổng số Ban khuyến học trực thuộc hội khuyến học cơ sở cơ sở: 07.

- Hội khuyến học thành phố luôn chú trọng công tác tuyên truyền đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập²⁴; phối hợp với MTTQ và các đoàn thể, các phòng ban, các tổ chức Hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, khuyến học khuyến tài, xây dựng XHHT. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển đa dạng, phong phú cả về hình thức và nội dung nên đã thu hút và khích lệ tinh thần thi đua học tập của mọi tầng lớp nhân dân. Tham mưu các văn bản của UBND thành phố để chỉ đạo triển khai Quyết định số 387 và Quyết định số 677, Ban hành các kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn... triển khai các Kế hoạch, công văn của UBND thành phố, của HKH tỉnh về xây dựng XHHT theo Đề án 1373, Chương trình 387 + 677...

- Tham gia tích cực trong Hội nghị tập huấn cấp tỉnh; Tổ chức các đợt tập huấn triển khai công tác tuyên truyền tới các hội cơ sở và các Chi hội, Ban khuyến học cơ sở... các đợt tập huấn cấp thành phố, mời báo cáo viên cấp tỉnh tập huấn cho các cấp hội cơ sở tự tập huấn mở rộng đối tượng tới các thành viên Chi hội, Ban khuyến học.

- Trong công tác xây dựng “Gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập” học tập suốt đời, Hội Khuyến học thành phố tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào xây dựng “gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập” trong nhân dân, trong các cơ quan đơn vị, trường học, nhà máy, doanh nghiệp. Tính đến năm 2022, kết quả cụ thể: Gia đình học tập: Tổng số gia đình: 88 925, số đăng ký 72120, số gia đình đạt danh hiệu: 69825, đạt tỷ lệ: 78,5%. Dòng họ học tập: Tổng số dòng họ: 95; số đăng ký: 71; số dòng họ đạt danh hiệu: 68, Đạt tỷ lệ: 71%. Cộng đồng học tập: Tổng số 231; số đăng ký 231, số cộng đồng đạt danh hiệu là 212, đạt tỷ lệ 91%. Đơn vị học tập: Tổng số đơn vị: 215; số đăng ký 185; số đơn vị đạt: 176, đạt tỷ lệ 81%. Xây dựng cộng đồng cấp xã: Số xã phường đạt 15 tiêu chí: 33/33, tỷ lệ 100%, trong đó xếp loại Tốt: 24/33, đạt 72% xếp loại khá: 9/33, đạt 28%.

- Các Trung tâm học tập cộng đồng đã phát huy có hiệu quả các hoạt động, các loại hình đào tạo. Các trung tâm học tập cộng đồng các xã, phường: Cao Xanh, Cao Thắng, Hà Khẩu, Việt Hưng, Giếng Đáy, Hà Phong, Hồng Hà, Hà Tu, Hoàn Bò, Bằng Cả, Lê Lợi, Dân Chủ, Vũ Oai, Sơn Dương, Đồng Lâm, Kỳ Thượng ... hoạt động đều, toàn diện, hiệu quả, nhiều trung tâm đã mở các lớp về tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục sức khỏe, các hoạt động văn hóa, TDTT, chuyển giao KHKT... đưa kiến thức khoa học áp dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả trong lao động sản xuất.

²⁴ Tuyên truyền về kết quả đã đạt được; Tuyên truyền Kế hoạch số 123/KH-KHVN ngày 14/4/2022 của Trung ương Hội khuyến học Việt Nam về thực hiện Chương trình đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 196/KH-KHVN ngày 16/6/2022 về thực hiện Chương trình Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 242/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Trung ương HKH VN Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 244/QĐ-KHVN ngày 28/7/2022 của Trung ương HKH VN về việc Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn đánh giá, công nhận danh hiệu “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030

- Năm học 2019-2020, thành phố đã tiến hành tổng kết thực hiện 5 năm thực hiện Thông tư 44/2014 ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, xây dựng định hướng phát triển cộng đồng theo hướng phát triển bền vững; tiến hành kiểm tra, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2019; ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo, Kế hoạch xây dựng xã hội học tập năm 2020, tiến hành thực hiện 04 lớp xóa mù chữ tại xã Đồng Lâm năm 2020, duy trì củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn thành phố.

4.2. Hiệu quả của các trường dân tộc nội trú, bán trú; các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

Trên địa bàn thành phố hiện có 02 trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT): PTDTNT tỉnh (giảng dạy cho học sinh THPT) và PTDTNT Hoàn Bò thuộc TP Hạ Long (giảng dạy cho học sinh THCS), 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Hạ Long, 01 trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh.

Đối với các trường PTDTNT của tỉnh, thành phố đều dành cho thanh, thiếu niên các dân tộc thiểu số (DTTS) với mục tiêu tạo nguồn đào tạo cán bộ và nguồn nhân lực có trình độ cho vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, góp phần bình đẳng, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội giữa vùng dân tộc thiểu số và miền núi với vùng thuận lợi Trường PTDTNT có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng ở vùng DTTS, miền núi. Học sinh của các nhà trường đa số là con em các dân tộc thiểu số, ở các thôn khe bản của huyện, tỉnh về ăn ở, sinh hoạt, học tập và rèn luyện tại trường. Trường là địa chỉ tin cậy để các bậc phụ huynh các xã vùng cao của thành phố, của tỉnh gửi gắm con em về học tập và rèn luyện. Tính đến thời điểm hiện tại, 02 trường có tổng số 408 học sinh. Trong năm học 2021 - 2022 trường PTDTNT Hoàn Bò đã có 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS, trong đó có 09 học sinh học lên trường nội trú tỉnh, 14 em học nghề, 01 em học ở các trường THPT khác. Tại trường PTDTNT tỉnh, trong tổng số 101 học sinh tốt nghiệp THPT (100%) có 38 em vào học tại các trường đại học, cao đẳng, 06 em học nghề và 57 em về địa phương.

Trong thời gian tới, để tăng tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số được chăm sóc, giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số; góp phần đào tạo nguồn cán bộ và nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phát triển kinh tế, xã hội; tinh gọn bộ máy và tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giảm đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập, Thành phố đã xây dựng đề án, xin ý kiến tỉnh để sáp nhập trường PTDTNT Hoàn Bò vào trường PTDTNT tỉnh.

4.3. Hoạt động của các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên Hạ Long và trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh.

Trung tâm GDNN và GDTX Hoàn Bồ cũ (thuộc huyện Hoàn Bồ trước sáp nhập) được thành lập từ 30/7/2008 theo Quyết định số 2404/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Quảng Ninh với tên gọi là Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Hoàn Bồ. Năm 2015, Trung tâm HN&GDTX huyện Hoàn Bồ được chuyển từ trực thuộc Sở GD&ĐT về trực thuộc UBND cấp huyện quản lý theo Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh. Năm 2016 Trung tâm HN&GDTX huyện Hoàn Bồ được đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hoàn Bồ theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh. Tháng 01/2020 Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hoàn Bồ được đổi tên thành Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Hạ Long theo Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh. Ủy ban nhân dân Thành phố đã thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo sắp xếp, tổ chức bộ máy hoạt động của Trung GDNN và GDTX, đảm bảo các hoạt động đào tạo nghề nghiệp ở trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng và hoạt động giáo dục thường xuyên, hoạt động hướng nghiệp được thực hiện đúng quy định.

Hiện 02 trung tâm có tổng số 1835 học sinh học bổ túc THPT, 755 học sinh học tin học, 525 học sinh học ngoại ngữ, 1165 học sinh học nghề kết hợp học văn hóa. Số lượng CBQL có 05 người, GV có 40 người, trong đó có 09 giáo viên dạy nghề.

Đối với hoạt động của Trung tâm GDNN&GDTX thành phố, hàng năm đều đảm bảo các điều kiện học tập và chuẩn bị về mặt kiến thức cho học sinh. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về chỉ tiêu phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT, hàng năm Trung tâm đều xây dựng kế hoạch tuyển sinh, trong đó thực hiện việc phối hợp với các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh như: Cao đẳng Việt Hàn, Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng, Cao đẳng than khoáng Sản... và các trường THPT trên địa bàn thành phố để tổ chức hướng nghiệp và tuyển sinh các lớp học văn hóa kết hợp học nghề.

4.4. Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở

Ngành giáo dục tiếp tục triển khai Đề án “*Đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2015 - 2020*”; đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương. Hàng năm các nhà trường tổ chức dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8 và lớp 9 (gồm các nghề: Điện dân dụng, làm vườn, nấu ăn, Tin học văn phòng...) mang lại hiệu quả thiết thực cho các em học sinh và góp phần vào công tác phân luồng sau THPT. Hàng năm trên địa bàn thành phố có 100% học sinh lớp 8, lớp 9 tham gia học và dự thi nghề phổ thông; 100% các trường THPT và có cấp THPT thực hiện công tác phân luồng sau trung học cơ sở thông qua hoạt động tư vấn “*Cùng bạn Chọn nghề cho tương lai*”. Ngoài ra bên cạnh việc tư vấn học đường, việc phân luồng học sinh còn được quan tâm tư vấn đến các bậc phụ huynh qua các hội nghị tuyên truyền trong khu dân cư, tuyên truyền

đến những người có uy tín trong cộng đồng như tổ trưởng tổ dân, khu trưởng, cộng tác viên. Kết quả công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở đạt 19,6% (số liệu năm 2022).

Do đặc thù học sinh thuộc thành phố nên hằng năm có tỷ lệ từ 89-95% số học sinh tốt nghiệp THCS được vào học tiếp lên THPT các trường công lập hoặc dân lập, số học sinh còn lại sau khi tốt nghiệp THCS học nghề tại Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh. Do đó, công tác phân luồng sau trung học cơ sở còn khó khăn, tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS đi học nghề còn thấp. Kết quả phân luồng học sinh sau THCS mới đạt khoảng 15% do khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Việc phối hợp trong công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng lao động giữa đơn vị đào tạo và đơn vị sử dụng lao động còn yếu; tỷ lệ lao động chất lượng cao có kỹ năng nghề, có trình độ ngoại ngữ tốt còn thấp.

4.5. Chủ trương khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển; tăng tỉ lệ trường ngoài công lập

- Thành phố quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện để phát triển giáo dục ngoài công lập, phấn đấu đến 2025 có khoảng 25-30% học sinh trên địa bàn Thành phố được học tại các trường ngoài công lập. Triển khai Đề án phát triển mầm non ngoài công lập đến 2025, tầm nhìn đến 2030 để khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập.

- Đối với các trường ngoài công lập và các nhóm lớp mầm non tư thục năm học 2022 - 2023 có 18.816 trẻ, học sinh trên tổng số 95682 học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông, đáp ứng 19,7% nhu cầu học tập của học sinh toàn thành phố.

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

5.1. Việc triển khai Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2012 - 2020; Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020 của Chính phủ gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

5.1.1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Thực hiện Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành và tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện, trong đó đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng Chương trình hành động phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hạ Long đến

năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Tại Chương trình hành động của Thành ủy Hạ Long thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thành phố Hạ Long năm 2020, định hướng đến năm 2030, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015-2020, các Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Thành phố đều quan tâm triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục, trong đó tập trung quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho chất lượng dạy và học, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển toàn diện, phát huy năng lực, sáng tạo của người học, tiếp cận với chuẩn mực giáo dục tiên tiến, phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Việc tuyên truyền, phổ biến và triển khai các nội dung tại Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn Thành phố được triển khai kịp thời, có hiệu quả với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đảm bảo các cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường, các cơ quan, đơn vị, tầng lớp nhân dân đều được tuyên truyền, quán triệt, qua đó nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của quy hoạch cũng như vị trí hàng đầu của giáo dục và đào tạo trong phát triển nguồn nhân lực, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trên cơ sở đó phối hợp triển khai thực hiện tốt các nội dung quy hoạch, đảm bảo bám sát mục tiêu, chỉ tiêu UBND Tỉnh đã đề ra.

Trên cơ sở các chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, UBND Thành phố chỉ đạo các phòng ban chức năng, Ủy ban nhân dân các phường phối hợp với ngành giáo dục đào tạo tham mưu kịp thời việc bố trí nguồn lực, nguồn vốn; bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất để thực hiện có hiệu quả quy hoạch của tỉnh gắn với việc thực tiễn phát triển giáo dục đào tạo thành phố.

- Hàng năm, thành phố quan tâm bố trí đủ kinh phí, đảm bảo tỉ lệ chi ngân sách cho giáo dục; bám sát quy hoạch của tỉnh để đầu tư xây mới, xây bổ sung các công trình trường học; bổ sung, trang sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị kết hợp cùng với nguồn bổ sung trang thiết bị của tỉnh cho các nhà trường (phòng học thông minh, đồ dùng đồ chơi..); chỉ đạo việc tuyển dụng, bổ sung giáo viên các trường công lập để đảm bảo thực hiện hiện tốt công tác dạy và học đồng thời với việc thực hiện có hiệu quả Đề án 25 về “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, tinh giản bộ máy, biên chế” trong ngành giáo dục và đào tạo.

- Thành phố cũng đã chỉ đạo ngành giáo dục có các giải pháp để thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện quy hoạch²⁵. Trên cơ sở xây dựng

²⁵ (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức trong việc phát triển giáo dục và đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (2) Đổi mới quản lý giáo dục theo hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục (3) Tinh giản bộ máy, biên chế, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ (4) Phát triển đội ngũ

các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện quy hoạch, ngành giáo dục và đào tạo chỉ đạo các nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể của từng đơn vị gắn với điều kiện của từng phường, xã trên địa bàn để tổ chức thực hiện, hàng năm có đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nhiệm vụ, so sánh, đối chiếu các chỉ tiêu, tiêu chí đạt được so với quy hoạch của tỉnh.

5.1.2. Một số kết quả cụ thể

- Về giáo dục mầm non:

Toàn thành phố có 47 trường mầm non (34 trường công lập, 13 trường ngoài công lập). So với quy hoạch, giảm 05 trường công lập, tăng 03 trường ngoài công lập. Giai đoạn 2015 – 2020, có 04 trường được thành lập mới (01 trường công lập, 03 trường ngoài công lập). 100% các xã phường đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi (đạt so với quy hoạch); Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt: 36,7% (thấp hơn 3,3% so với quy hoạch chung); Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt: 96,7% (cao hơn 6,7% so với quy hoạch chung); Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 0,6% (giảm 4,4% so với quy hoạch chung); Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 0,8% (giảm 4,2% so với quy hoạch chung);

- Về giáo dục phổ thông:

+ Toàn thành phố có 73 trường từ tiểu học đến THPT trong và ngoài công lập. Trong đó hệ công lập có 21 trường tiểu học, 19 trường THCS, 16 trường liên cấp TH&THCS, 07 trường THPT. So với chỉ tiêu trong quy hoạch giảm 05 trường (tiểu học giảm 07 trường²⁶, THCS, TH&THCS không tăng giảm; THPT tăng 02 trường ngoài công lập).

+ Kết quả triển khai thực hiện trường chuẩn Quốc gia: Toàn thành phố có 68/120 (56,7%) trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia (MN 26 trường, TH 12 trường, THCS 27 trường, THPT 03 trường).

+ Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp: Hàng năm đạt từ 99-100% học sinh 6 tuổi ra lớp. Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi đạt 98%. Tỷ lệ trẻ khuyết tật có khả năng học tập được ra lớp: 100%. So với chỉ tiêu đề ra trong quy hoạch: đạt và vượt qua chỉ tiêu về huy động học sinh.

+ Kết quả thực hiện 2 buổi/ngày: Đối với các trường tư thục: 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Đối với các trường công lập tỷ lệ đạt 95,7% học sinh được học 2 buổi/ngày.

5.2. Kết quả thực hiện chủ trương “cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực

nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo (5) Đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học (6) Củng cố mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời (7) Ưu tiên nguồn lực, tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo (8) Tăng cường ứng dụng, nghiên cứu khoa học trong giáo dục; nâng cao hiệu quả trong giáo dục và đào tạo.

²⁶ Quy hoạch của tỉnh đến 2020 TP Hạ Long có 21 trường TH; Hoàn Kiếm có 07 trường TH

hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp”.

Hàng năm, căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các phòng ban chức năng thực hiện rà soát, tham mưu việc ban hành quyết định quy định chức năng nhiệm vụ. Đối với phòng Giáo dục và Đào tạo Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Phối hợp với phòng Nội vụ Thành phố quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của các trường học công lập từ bậc học Mầm non đến THCS của Thành phố; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quản lý về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5.3. Công tác chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng đầu ra; xây dựng hệ thống kiểm định độc lập về chất lượng giáo dục và đào tạo; sự phân định giữa quản lý nhà nước và quản trị cơ sở giáo dục.

- Thành phố chỉ đạo phòng GD&ĐT hướng dẫn các cơ sở giáo dục trong thực hiện các văn bản hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD). Kịp thời chủ động, tích cực thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp, thực hiện đảm bảo đúng quy trình và triển khai có hiệu quả công tác đánh giá ngoài theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Công tác KĐCLGD được quan tâm, đảm bảo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ (Chủ động, tích cực tham mưu cho thành phố đầu tư về kinh phí, cơ sở vật chất, tạo điều kiện nâng cao trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên từng bước đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo, sở vật chất theo quy định; xây dựng dự toán, bố trí kinh phí trong nguồn kinh phí được giao thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Kịp thời tham mưu, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc phát sinh trong triển khai công tác KĐCLGD-CQG gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Ngành giáo dục chỉ đạo các nhà trường tham gia tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực triển khai công tác tự đánh giá trong KĐCLGD cho cán bộ, giáo viên cốt cán; Cử cán bộ, giáo viên tham dự các cuộc tập huấn công tác KĐCLGD-CQG do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; triển khai công tác hướng dẫn, kiểm tra việc cải tiến nâng cao chất lượng sau tự đánh giá và đánh giá ngoài, thực hiện lồng ghép trong các nội dung kiểm tra chuyên môn tại các cơ sở giáo dục.

5.4. *Kết quả triển khai chủ trương “Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo”; “giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo; phát huy vai trò của hội đồng trường”. Công tác giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.*

- Căn cứ chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, trong những năm gần đây, các nhà trường thực hiện tự chủ, chủ động trong việc xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học; tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục học sinh thông qua việc huy động, sử dụng các nguồn lực. Thực hiện kiểm tra giám sát để phát triển nhà trường theo phương hướng phát triển nhà trường giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn 2030. Đổi mới căn bản công tác quản lý, Tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình cho từng cá nhân; từng bước thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên. Nâng cao năng lực đội ngũ bằng nhiều hình thức: Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ để phát triển nghề nghiệp và tự bồi dưỡng thường xuyên.

- Thành phố thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập: 90 trường (100%), trong đó có 22 trường công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị sự nghiệp công có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10% là 25 đơn vị; Đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị sự nghiệp công có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên) là 43 đơn vị.

- UBND thành phố căn cứ tình hình thực tế của đơn vị phối hợp với các ban, ngành có liên quan lựa chọn phạm vi, đối tượng, nội dung phù hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác thanh tra hàng năm, trong đó có các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý. Hàng năm thành phố đều chỉ đạo thực hiện các cuộc thanh tra hành chính, theo kế hoạch và thanh tra đột xuất. Qua công tác thanh tra, đã thực hiện kiến nghị chấn chỉnh một số tồn tại trong việc thu, chi ngân sách; quản lý và sử dụng tài sản cố định, việc quản lý các khoản đóng góp tự nguyện của học sinh; công tác quản lý tài chính tại một số trường học công lập. Đối với việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật được thực hiện nghiêm luật thanh tra, luật khiếu nại tố cáo, luật tiếp công dân và theo hướng dẫn quy định của Bộ ngành (cụ thể các năm từ 2015 cho đến 2020 đã giải quyết dứt điểm, kịp thời theo quy định và không để đơn thư tồn đọng).

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

6.1. Quy mô đội ngũ nhà giáo, CBQL

- Tính đến tháng 3/2023, toàn thành phố có 3913 người làm việc, trong đó có 3310 người tại các trường MN, phổ thông công lập thuộc thành phố; 518

người tại các trường THPT (THCS&THPT, TH-THCS&THPT), 86 người tại TTHN&GDTX Hạ Long, HN&GDTX tỉnh. Trong đó CBQL có 238 người, giáo viên có 3407 người (42 HĐ 102), nhân viên có 212 người. HĐ 68 có 13 người.

- Các trường công lập thuộc thành phố: MN có 976 người (95 CBQL, 820 GV, 61 NV); TH có 1336 người (62 CBQL, 1226 GV, 48 NV); THCS có 998 người (53 CBQL, 879 GV, 61 NV và 05 HĐ 68)

So với biên chế được giao theo định mức quy định 3984 người (theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của UBND tỉnh²⁷), Toàn ngành thiếu 674 người, trong đó, cán bộ quản lý thiếu 23 người (Hiệu trưởng: 02, Phó Hiệu trưởng: 21), giáo viên thiếu 479 người, nhân viên thiếu 159 người. Cụ thể:

- **Cán bộ quản lý:** thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện thi tuyển, bổ nhiệm mới; luân chuyển, điều động đối với cán bộ quản lý các trường, năm học 2022 - 2023 ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã có số lượng cán bộ quản lý cơ bản đảm bảo cho các hoạt động quản lý, điều hành các nhà trường về công tác chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của ngành, của tỉnh, thành phố. Đội ngũ cán bộ quản lý toàn ngành hiện có **212** người trong đó có 88 Hiệu trưởng và 124 Phó Hiệu trưởng. Tổng số cán bộ quản lý các trường (theo biên chế được giao theo định mức quy định) hiện tại còn thiếu 23 người.

- **Giáo viên:** Năm học 2022- 2023, các trường công lập từ mầm non đến THCS thuộc thành phố có **2930** giáo viên (trong đó có 42 giáo viên HĐ 102). Trong đó mầm non có 820 giáo viên (04 HĐ 102), tiểu học có 1226 giáo viên (05 HĐ 102), THCS có 879 giáo viên (33 HĐ 102), TT HN&GDTX có 05 giáo viên. So với biên chế được giao theo định mức quy định năm 2022 là 3416 GV, các trường cần bổ sung 486 giáo viên.

Đội ngũ giáo viên mặc dù về cơ cấu bộ môn²⁸ còn có thừa, thiếu cục bộ tại một số trường vùng cao, vùng khó khăn, có ít lớp²⁹ nhưng luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt công tác giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục khác theo yêu cầu. Trong các năm học, UBND thành phố chỉ đạo ngành giáo dục đào tạo thực hiện nhiều giải pháp để bố trí giáo viên thực hiện kiêm nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy theo hình thức trung dụng, biệt phái để tham gia giảng dạy liên môn, liên trường ở những trường còn thiếu giáo viên về số lượng, cơ cấu bộ môn (đặc biệt là đối với môn tin học lớp 3, lớp 6, lớp 7, môn tiếng Anh); thực hiện dồn ghép điểm trường, ghép lớp phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị để thực hiện công tác giảng dạy đảm bảo chất lượng cho học sinh, đặc biệt là việc bố trí tối đa đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sỹ số học sinh/lớp để tổ chức thực hiện công tác giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

²⁷Biên chế theo định mức quy định đã được UBND tỉnh giao theo quyết định số 2535 ngày 31/8/2022 cho thành phố Hạ Long năm học 2022 - 2023, trong đó tổng số lượng người làm việc các trường MN, phổ thông được giao theo định mức 3984 người làm việc: MN được giao 1092 người (101 CBQL, 923 GV, 68 NV); TH được giao 1265 người (54 CBQL, 1106 GV, 105 NV); THCS được giao 1627 người (80 CBQL, 1387 GV, 160 NV)

²⁸ Toán, Văn, GDCD, Hóa, Vật Lý, Tiếng Anh, CNTT,

²⁹ Các trường TH&THCS Ký Thượng, Đông Sơn, Hòa Bình, Vũ Oai, Đông Lâm 1,2, Tân Dân, Bằng Cả, Dân Chủ, Tuần Châu mỗi trường khối THCS chỉ có 01 lớp/khối, khối tiểu học chỉ có từ 1 đến 2 lớp/khối

- **Nhân viên:** Toàn ngành hiện có 170 nhân viên³⁰. Mặc dù còn thiếu (163 người) so với biên chế được giao theo định mức quy định nhưng ngành giáo dục đã chỉ đạo các nhà trường bố trí tối đa nhân viên thực hiện các nhiệm vụ kiêm nhiệm: Kế toán kiêm văn thư, hành chính, 1 kế toán kiêm nhiệm nhiệm vụ kế toán 02 trường (ở 07 trường không có nhân viên kế toán); văn thư thủ quỹ, y tế kiêm nhiệm nhiệm vụ thư viện, thiết bị thí nghiệm để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mặc dù còn thiếu so với quy mô tăng hàng năm về số lớp, số học sinh trên địa bàn thành phố nhưng cơ bản đảm bảo cho các nhà trường bố trí sử dụng các hoạt động chuyên môn. Năm học 2022-2023 tiếp tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp bố trí giáo viên thực hiện kiêm nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy theo hình thức trung dụng, biệt phái để tham gia giảng dạy liên môn, liên trường ở những trường còn thiếu giáo viên. Ưu tiên bố trí đội ngũ giáo viên đứng lớp đối với học sinh lớp 1, 2,3 và lớp 6, lớp 7 để tổ chức thực hiện công tác giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Đội ngũ nhân viên các nhà trường hiện thiếu so với định mức khung quy định, các trường bố trí kiêm nhiệm để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ năm học.

Thành phố đã thực hiện bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác giảng dạy. Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV, NV được quan tâm, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. (Về trình độ đào tạo: Đạt chuẩn trở lên 87, 22%; trên chuẩn đạt, 28,19%, còn 12,82% giáo viên chưa đạt chuẩn. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp có 09 người, TC có 347 người. Đảng viên toàn ngành có 1715 người (tỷ lệ: 52,19%). Theo Luật giáo dục 2019, so với năm 2021 tăng 2,72% GV có trình độ đạt chuẩn, tăng 0,32% có trình độ trên chuẩn. Tỷ lệ chưa đạt chuẩn giảm còn 2.68%.

Hàng năm, thành phố thực hiện việc bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo công tác dạy và học. Tính từ năm 2020 đến năm 2023, thành phố đã tổ chức thi tuyển, bổ nhiệm và luân chuyển 138 cán bộ quản lý; thực hiện quy chế luân chuyển thực hiện nghĩa vụ 88 giáo viên để đảm bảo công tác dạy học các trường vùng cao.

Việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Việc dạy các môn học/hoạt động: Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: phân công giáo viên dạy học các chủ đề phù hợp với năng lực chuyên môn của giáo viên. Tất cả các giáo viên giảng dạy trong các nhà trường đều tham gia bồi dưỡng thường xuyên trên hệ thống LMS (Etep).

³⁰ Nhân viên Y tế: Các trường mầm non có 31 người/34 trường. Nhân viên kế toán: 82 người/90 trường (Mầm non 30 người/34 trường; tiểu học 20 người/21 trường; THCS, liên cấp có 31 người/35 trường). Nhân viên hành chính, văn thư thủ quỹ (các trường TH, THCS, TH&THCS): 33 người/56 trường. Nhân viên thư viện, thiết bị thí nghiệm: có 25 người/56 trường.

Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động: Hàng năm, tỉnh đều tổ chức thi tuyển giáo viên bổ sung cho các nhà trường. Đối với đội ngũ giáo viên các trường công lập, thành phố hàng năm đều thực hiện hợp đồng, từ năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết 102/NQ-CP của Chính phủ (trong khi chờ tỉnh tổ chức thi tuyển) để đảm bảo bổ sung kịp thời số lượng giáo viên còn thiếu cho các trường còn chỉ tiêu biên chế.

6.2. Công tác xây dựng, ban hành, triển khai chuẩn nhà giáo; hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nâng chuẩn, đạt chuẩn theo hướng nâng chuẩn trình độ, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học.

Thành phố xây dựng lộ trình và triển khai kế hoạch nâng cao trình độ chuẩn được đào tạo của đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính (theo Kế hoạch số 223/KH-UBND tỉnh). Số giáo viên đang học nâng chuẩn trình độ 321 người (MN: 93, TH: 166, THCS: 62). Số giáo viên đưa vào kế hoạch nâng chuẩn 182 người (MN: 23, TH: 102, THCS: 57). Số giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo nhưng thuộc diện không phải học nâng chuẩn gồm có 34 người (MN 05 người, TH 23 người, THCS 06 người). Lộ trình nâng chuẩn, phấn đấu đến hết năm 2025 đạt: 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên; 30% trở lên có trình độ đạt chuẩn nâng cao.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

7.1. Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để triển khai thực hiện:

Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỉ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020; Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long khóa XX, kỳ họp thứ 15 về dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách thành phố năm 2020; Một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách thành phố năm 2020; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long khóa I, kỳ họp thứ 8 về dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách thành phố năm 2021; Một số cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách thành phố năm 2021; Quyết định số 10400/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020; Quyết định số 15518/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố Hạ Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021.

Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND thành phố về một số cơ chế và biện pháp điều hành ngân sách năm 2022; Văn bản số 8045/UBND ngày 17/10/2022 của UBND thành phố Hạ Long về việc tăng cường điều hành ngân sách; Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND thành phố Hạ Long quyết định về một số cơ chế và biện pháp điều hành

ngân sách năm 2023; Quyết định số 12228/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 4689/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

7.2. Công tác phân bổ, giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo của ngân sách địa phương

- Hàng năm UBND thành phố đều có Quyết định giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục sau Quyết định giao dự toán của thành phố, cụ thể: Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2020 sau điều chỉnh biên chế theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND thành phố Hạ Long; Quyết định số 16547/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2021; Quyết định số 14075/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố về việc giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2022; Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố về việc phân bổ giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023.

- Năm 2023 tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Thông tư số 56/2022/TT BTC ngày 16/9/2022 của Bộ tài chính.

- Hàng năm UBND thành phố ban hành Quyết định giao nhiệm vụ thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định. Các đơn vị xây dựng phương án sử dụng nguồn kinh phí thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác được để lại chi tại đơn vị, báo cáo phòng Tài chính - kế hoạch theo quy định tại điểm đ khoản 2 điều 13 thông tư số 47/2022/ TT BTC ngày 29/7/2022 của Bộ tài chính. Trong đó, các đơn vị tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định (Theo Khoản 4 điều 4, Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ tài chính), báo cáo UBND thành phố (qua phòng Tài chính - Kế hoạch).

- Thành phố đã qua tâm đầu tư xây dựng bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, khôi phục phòng học tập, phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ khác đáp ứng cơ sở vật chất cho việc đổi mới chương trình giáo dục. Thành phố đã đầu tư xây dựng 115 công trình với tổng kinh phí 1.693 tỷ đồng, đạt tỉ lệ 12,3% so với tổng dự toán vốn chi đầu tư phát triển của địa phương. Chi hoạt động thường xuyên so với tổng dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương năm 2022 là 20% (chi khác; 92.949 triệu/ 453.695 triệu).

7.3. *Kết quả triển khai quy định về việc giao tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2015-2021 theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; giai đoạn 2022-2023 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính gắn với số thu học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh*

- Các đơn vị trường học đã thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước về đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị hưởng ngân sách nhà nước. Sau khi huyện Hoàn Bò và thành phố Hạ Long sáp nhập UBND thành phố Hạ Long đã có Quyết định số 2947/QĐ-UBND ngày 10/4/2022 của UBND thành phố về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố Hạ Long quản lý từ năm 2020, được ổn định trong thời gian 3 năm. Cụ thể:

+ Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động theo quy định tại điều 24 nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2//2015 và điểm c, khoản 1 điều 9 nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: 34 trường mầm non, 21 trường tiểu học, 19 trường THCS, 16 trường TH&THCS.

+ Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động theo quy định tại điều 24 nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và điểm b khoản 1 điều 9 nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên của thành phố, giao mức độ tự chủ chi phí hoạt động thường xuyên 10,5%.

Tuy nhiên đến năm 2022, căn cứ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính, UBND thành phố lần lượt ban hành các quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc phê duyệt phương án và giao quyền tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục tiểu học công lập do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2022-2025 cho 20 trường tiểu học; quyết định số 3922/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 về việc tiếp tục thực hiện theo phương án tự chủ tài chính đã được phê duyệt đến hết năm 2022 đối với 02 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục thành phố: trường Tiểu học Quang Trung và trường PTDT Nội trú Hoàn Bò; Quyết định số 4676/QĐ-UBND ngày 1/12/2022 Quyết định về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục thành phố năm 2022 được phân loại và mức tự đảm bảo đối với 68 trường còn lại cụ thể như sau: 46 đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị sự nghiệp công có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10%), 22 đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị sự nghiệp công có mức tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên). Năm 2022 dùng nguồn thu từ học phí dùng chi hoạt động thường xuyên là: 28.521 triệu đồng.

- UBND thành phố giao cho Phòng Tài chính kế hoạch thành phố tiếp tục thẩm định phương án tự chủ tài chính giai đoạn ổn định 2023-2025 của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn thành phố.

7.4. *Hiệu quả đầu tư các chương trình, đề án trọng điểm phục vụ phát triển giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; giáo dục vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số:* Thực hiện Quyết định số 196/QĐ- UBND ngày 17/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, giai đoạn 2016-2020 (Đề án 196). Thành phố Hạ Long đã triển khai đề án tại 03 xã Đồng Lâm, Đồng Sơn, Kỳ Thượng và bổ sung thêm thôn Khe Cát xã Tân Dân vào năm 2017. Từ nguồn vốn 135, Đề án 196 tại địa bàn 4 xã đã đầu tư xây mới 06 công trình trường học để góp phần nâng cao chất lượng cơ sở vật chất đối với ngành giáo dục tại các địa bàn trên.

7.5. *Việc ban hành chính sách và kết quả thực hiện huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; hoạt động liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong nước, nước ngoài:* Thành phố luôn tạo điều kiện để các đơn vị đầu tư, tài trợ cho giáo dục như tài trợ xây bếp ăn cho Trường MN Hòa Bình, điểm trường Thác Cát, làm sân bóng đá cho học sinh trường Tiểu học Trới, tài trợ đồ chơi, đồ dùng cho trường MN Tuần Châu... Trong các năm học, các trường công lập triển khai liên kết với các trung tâm ngoại ngữ, kỹ năng sống để xây dựng các đề án tăng cường tiếng Anh, đề án dạy kỹ năng sống cho học sinh theo hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

7.6. *Chính sách tín dụng, ưu tiên, học bổng, hỗ trợ tài chính cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng giáo dục và đào tạo.* Trước khi sáp nhập vào thành phố Hạ Long, huyện Hoành Bồ là một huyện miền núi địa bàn rộng dân cư phân bố không đều, đời sống còn nhiều khó khăn và có nhiều dân tộc sinh sống. Tuy nhiên UBND huyện Hoành Bồ và UBND thành phố Hạ Long đều quan tâm đến công tác phát triển giáo dục và tạo cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng giữa miền núi và miền xuôi, đồng thời triển khai đầy đủ chế độ của giáo viên và học sinh. Các chính sách của trung ương và địa phương cụ thể:

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và Chính sách đối với Giáo viên mầm non;

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của chính phủ quy định về cơ chế thu, cơ chế quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020 -2021; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định phát triển chính sách giáo dục mầm non của Chính phủ; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

- Song song với các chế độ chính sách của Trung ương UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành nhiều Nghị quyết triển khai một số chế độ riêng có của tỉnh như: Nghị quyết số 222/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ một số đối tượng trẻ em chưa thuộc diện hưởng chính sách hiện hành của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 12/12/2015; Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Hướng dẫn số 2775/HDLS/SLĐT BXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của liên sở thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội theo qui định tại nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 thay thế Quyết định số 582/QĐ-TTg. Trong đó, 11/11 xã trên địa bàn thành phố Hạ Long thuộc khu vực I (không còn các xã, thôn thuộc vùng II, vùng III), tại thời điểm đó UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng – an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, kéo dài tất cả các chế độ cho học sinh hưởng chế độ chính sách đến hết năm học 2022-2023.

- Do đại dịch covid-19 từ năm học 2021-2022 UBND tỉnh Quảng Ninh hỗ trợ 100% học phí cho học sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như: Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về một số giải pháp cấp bách đặc thù phòng, chống dịch bệnh COVID- 19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập cả tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Nghị quyết hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022-2023. Việc ban hành chính sách một cách kịp thời đã nhận được sự đồng thuận, ủng hộ của toàn thể nhân dân và phụ huynh học sinh, nhất là trong thời điểm dịch bệnh covid-19 đã tác động không nhỏ đến đời sống của nhân dân, nhiều phụ huynh đang làm việc tại các Công ty, Xí nghiệp phải thôi việc, không có việc làm, nhiều gia đình thu nhập không ổn định, năm học 2022-2023 học phí tăng gây không ít khó khăn đặc biệt là những gia đình có 02 con đi học.

- Được sự quan tâm của Đảng, nhà nước và các cấp chính quyền trong những năm qua học sinh ở điều kiện hoàn cảnh đặc biệt như khuyết tật, mồ côi, không nơi nương tựa.. hoặc điều kiện kinh tế khó khăn về tài chính như thuộc hộ nghèo, cận nghèo... đều được hỗ trợ học phí, chi phí học tập, học bổng một cách đầy đủ và kịp thời. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ cho học sinh đã giúp giảm gánh nặng về kinh tế cho gia đình có con em đi học. Tạo thêm cơ hội cho trẻ em được tiếp cận giáo dục, đặc biệt là các học sinh có gia đình khó khăn khắc phục tình trạng học sinh ra lớp muộn, học sinh bỏ học, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển giáo dục. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định và phát triển kinh tế của nhân dân sau dịch bệnh, góp phần an sinh xã hội.

8. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại tỉnh Quảng Ninh.

8.1. Việc ban hành chính sách, pháp luật và công tác quản lý nhà nước về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

- Các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương về triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 đầy đủ, đúng thẩm quyền. Tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hạ Long đã ban hành đầy đủ, đúng quy định, thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương về chương trình, sách giáo khoa mới.

- UBND Thành phố Hạ Long đã ban hành kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 20/4/2020 về việc triển khai đổi mới sách giáo khoa, chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hạ Long; thành lập Ban chỉ đạo triển khai đổi mới sách giáo khoa, chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố. Hàng năm Phòng GD&ĐT ban hành các kế hoạch tổ chức triển khai, tập huấn

về nội dung đổi mới sách giáo khoa, chương trình giáo dục phổ thông cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông trên địa bàn thành phố.

- Thành phố chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo tăng cường tổ chức tập huấn nội dung sách giáo khoa mới, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch Thành phố nghiên cứu, bổ sung ngân sách để thực hiện công tác bồi dưỡng, cán bộ quản lý, giáo viên trên hệ thống LMS và các nền tảng số khác để nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian tập huấn.

- Các nhà trường phối hợp, phát huy sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành và toàn xã hội để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, về chương trình, sách giáo khoa mới và mục tiêu phát triển giáo dục; nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa, sự cần thiết của việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, xác định đây là mục tiêu, động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đối với các bậc học. Ban Chỉ đạo của Thành phố tích cực triển khai thực hiện các nội dung: tuyên truyền, tham gia tập huấn tại hội nghị trực tuyến của Bộ GDĐT. Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GDĐT về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tổ chức cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, thảo luận kỹ nội dung Chương trình GDPT 2018.

- Các nhà trường đã tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội về Chương trình giáo dục phổ thông 2018; biểu dương kịp thời gương người tốt, việc tốt trong thực hiện đổi mới Chương trình GDPT; tham gia góp ý nội dung giáo dục địa phương về những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương, bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc theo Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 của Bộ GDĐT.

- Căn cứ Thông tư số 01/2020 - ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 665/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 02/3/2021 về Ban hành tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và để đảm bảo việc lựa chọn bộ sách phù hợp với giáo dục tại đơn vị và địa phương, Phòng GDĐT đã chỉ đạo các trường thực hiện tốt một số nội dung: Chỉ đạo cán bộ, giáo viên nghiên cứu kỹ và tổ chức thực hiện lựa chọn sách đúng quy trình; nghiên cứu kỹ các tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 665/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 02/3/2021. Nghiên cứu kỹ các quyết định lựa chọn SGK lớp 1,2,3,6,7 của UBND tỉnh Quảng Ninh; tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh, học sinh trong trường. Thống nhất lựa chọn sách giáo khoa lớp 1, 2, 3,6,7 phù hợp với giáo dục nhà trường và địa phương.

8.2 Kết quả

8.2.1. Việc lựa chọn SGK:

- Tất cả các SGK được Bộ GDĐT phê duyệt đều được các nhà trường tổ chức cho giáo viên, tổ bộ môn cha mẹ học sinh nghiên cứu đề xuất, thành lập hội đồng đánh giá và quyết định lựa chọn phù hợp với điều kiện triển khai thực hiện tại trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2020 ngày 30/01/2020, Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Việc tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục: Thực hiện kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng GV, cán bộ quản lý giáo dục đã đạt được những kết quả tích cực. Mô hình bồi dưỡng thường xuyên, liên tục, ngay tại trường qua mạng với sự hỗ trợ của đội ngũ GV cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán và giảng viên sư phạm chủ chốt của các trường đại học sư phạm tham gia Chương trình ETEP đã bước đầu được triển khai hiệu quả.

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Việc trang cấp thiết bị dạy học tối thiểu các lớp 2, 3, 6, 7, 10 còn chậm trong việc đáp ứng nhu cầu dạy học theo yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

8.2.2. Kết quả triển khai thực hiện chương trình, SGK GDPT:

- Các nhà trường đã chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, GV trong việc thực hiện Chương trình GDPT 2018; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chất lượng khối 1,2 khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018: học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt: 98%, số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học chiếm 2%; Số học sinh được khen thưởng đạt 61,2%.

- Chất lượng khối 6 khi thực hiện khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018: Xếp loại Tốt: 33,2%; loại khá: 38,03%; loại đạt: 25,41%; Loại chưa đạt: 2,94%

8.2.3. Tồn tại và nguyên nhân

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình SGK GDPT 2018 đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của đông đảo của nhân dân và các lực lượng xã hội, nhưng công tác truyền thông chưa thực sự hiệu quả nên xuất hiện một số ý kiến như: việc chương trình, SGK theo Chương trình GDPT 2018 còn nặng so với chương Chương trình 2006.

Từ năm học 2021-2022, nhiều nhà trường còn thiếu giáo viên dạy Tin học, ngoại ngữ, văn hóa do thiếu nguồn giáo viên đề hợp đồng theo Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020; thiết bị dạy học lớp 2,3, 6,7,10 chưa được trang cấp kịp thời cũng gây khó khăn không nhỏ trong việc thực hiện CT GDPT 2018

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

- Trong những năm qua, Thành phố luôn tăng cường chỉ đạo, quản lý đối với các chương trình hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài, hoạt động tư vấn du học, liên doanh, liên kết trong các hoạt động giáo dục trên địa bàn thành phố; tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đẩy mạnh hội nhập quốc tế qua các hoạt động trường học, lớp học kết nối. Từ năm học 2014 - 2015, các trường học trên địa bàn thành phố đã triển khai thực hiện việc xây dựng đề án liên kết với các trung tâm ngoại ngữ để đưa giáo viên nước ngoài vào dạy tăng cường kỹ năng nghe nói tiếng Anh cho học sinh mầm non, phổ thông theo hình thức ngoài giờ chính khóa. Hiện tại, toàn thành phố có 36 trường công lập thực hiện đề án trên. Kết quả cho thấy chất lượng học ngoại ngữ của các em học sinh tăng lên rõ rệt.

- Đối với các trung tâm cơ sở (tiếng Anh) có yếu tố nước ngoài (có giáo viên người nước ngoài tham gia giảng dạy), thành phố thường xuyên chỉ đạo UBND các xã phường, ngành giáo dục, Công an thành phố làm tốt công tác quản lý hành chính, thường xuyên nắm bắt các hoạt động của người nước ngoài trên địa bàn để kịp thời tư vấn, hướng dẫn, phát hiện, xử lý vi phạm (nếu có). Hoạt động chuyên môn của các cơ sở hàng năm thành phố chỉ đạo ngành giáo dục tham gia công tác kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm cùng với các đoàn kiểm tra của Sở GD&ĐT, các đoàn giám sát của HĐND tỉnh.

- Tiếp tục quan tâm, đầu tư cho công tác truyền thông giáo dục để xã hội, nhân dân hiểu và chia sẻ về các chủ trương đổi mới của ngành giáo dục; tập trung vào truyền thông việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đẩy mạnh truyền thông về các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành Giáo dục; giáo viên, học sinh đổi mới, sáng tạo, đạt kết quả tốt trong dạy và học. Tăng cường công tác phối hợp, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cùng các bậc cha mẹ học sinh chung tay góp sức cùng nhà trường để chăm lo, đào tạo bồi dưỡng cho thế hệ trẻ và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

III. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế

- Một số trường học ở khu vực trung tâm của thành phố còn tình trạng sĩ số học sinh/ lớp và số lớp/ trường vượt quá so với quy định, diện tích xây dựng/ học sinh chưa đủ theo quy định tại thông tư về cơ sở vật chất trường học.

- Số lượng và cơ cấu giáo viên phục vụ cho công tác giảng dạy một số bộ môn còn thiếu (Môn Tin học, Ngoại ngữ, Công nghệ, Thể dục)

- Trước những yêu cầu ngày càng nâng cao của công tác quản lý và giảng dạy, một số cán bộ, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu, giảng dạy còn nặng về lý thuyết, lúng túng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, khả năng ứng dụng CNTT chậm.

- Kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS tỷ lệ chưa cao

2. Nguyên nhân

(1) Do quá trình đô thị hóa phát triển mạnh, quy mô dân số phát triển nhanh (phát triển nhiều khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế .v.v.) diện tích đất của các trường học hẹp khó khăn trong việc xây dựng bổ sung, số học sinh tăng nhanh dẫn đến số lớp tăng theo dẫn đến nhu cầu giáo viên tăng, số lượng giáo viên hiện có không đáp ứng đủ nhu cầu của các đơn vị. Mặt khác, do đặc thù ngành giáo dục số đông là nữ do vậy hằng năm số giáo viên nghỉ ốm đau, thai sản không có giáo viên thay thế. (2) Công tác phân luồng học sinh, đặc biệt phân luồng học sinh sau THCS đạt tỷ lệ chưa cao có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chính do công tác truyền thông chưa đủ sức lan tỏa, tâm lý trọng bằng cấp vẫn tồn tại trong xã hội nặng nề, chính sách tiền lương cho lao động, nhất là lao động có tay nghề cao vẫn còn chưa thỏa đáng. (3) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với tỷ lệ chung của Tỉnh do các tiêu chuẩn, tiêu chí về quy mô số lớp, số học sinh vượt quá quy định; quỹ đất của nhiều trường thiếu theo quy định (4) Còn nhiều xã vùng cao, vùng khó khăn điều kiện kinh tế xã hội còn hạn chế, kinh phí tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ chủ yếu từ nguồn hỗ trợ của trung ương và tỉnh, việc đóng góp của phụ huynh còn hạn hẹp.

IV. Một số mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

1. Thành phố đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn, đồng bộ, hiện đại, đổi mới phương pháp dạy học, từng bước phát triển mô hình giáo dục thông minh. Giai đoạn từ năm 2015 đến 2019 Thành phố Hạ Long (cũ) đã thực hiện lắp đặt điều hòa cho 100 % các trường từ mầm non đến THCS công lập; xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn cho các trường TH, THCS, TH&THC, năm 2023, thành phố tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới công trình nhà vệ sinh các trường còn lại. Tập trung rà soát các tiêu chí về trường đạt chuẩn Quốc gia, bổ sung, hoàn thiện nội dung về nguồn lực, cơ sở vật chất, diện tích đất, bố trí sân chơi bãi tập. Hỗ trợ xe đưa đón học sinh dồn ghép điểm trường lẻ về điểm trường chính

2. Chỉ đạo xây dựng phương án tự chủ tài chính của 100% các trường mầm non và trung học cơ sở toàn thành phố, đề án tự chủ giai đoạn 2023-2025 ở 43 trường học mầm non, trung học cơ sở.

3. Ngành giáo dục chỉ đạo các trường tăng cường công tác chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, triển khai mạnh mẽ các giải pháp, ứng dụng CNTT, 100% các trường học đã triển khai phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, triển khai chữ ký số Phòng GD&ĐT, phần mềm quản lý trường học trực tuyến, thực hiện sử dụng học bạ, hồ sơ điện tử thay thế hồ sơ giấy, chuyển dữ liệu tự động lên phần mềm Cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, triển khai mạnh mẽ sự hỗ trợ của các thiết bị giảng dạy hiện đại thông qua mạng LAN, mạng internet, phần mềm trên các phòng học tương tác, phòng học thông minh.

4. Hàng năm, Thành ủy, UBND Thành phố luôn quan tâm tổ chức thực hiện thi tuyển, bổ nhiệm mới; luân chuyển, điều động đối với cán bộ quản lý các trường cơ bản đủ về số lượng; có năng lực trình độ đảm bảo cho các hoạt động quản lý, điều hành các nhà trường về công tác chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của ngành, của tỉnh, thành phố.

5. UBND thành phố chỉ đạo ngành giáo dục đào tạo thực hiện nhiều giải pháp để bố trí giáo viên thực hiện kiêm nhiệm các nhiệm vụ giảng dạy theo hình thức trung dụng, biệt phái để tham gia giảng dạy liên môn, liên trường ở những trường còn thiếu giáo viên về số lượng, cơ cấu bộ môn (đặc biệt là đối với môn tin học lớp 3, lớp 6, lớp 7, môn tiếng Anh); thực hiện dồn ghép điểm trường, ghép lớp phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị để thực hiện công tác giảng dạy đảm bảo chất lượng cho học sinh, đặc biệt là việc bố trí tối đa đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sỹ số học sinh/lớp để tổ chức thực hiện công tác giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.Đội ngũ nhân viên mặc dù còn thiếu theo định mức quy định nhưng đã bố trí tối đa nhân viên thực hiện các nhiệm vụ kiêm nhiệm: Kế toán kiêm văn thư, hành chính, 1 kế toán kiêm nhiệm nhiệm vụ kế toán 02 trường; văn thư thủ quỹ, y tế kiêm nhiệm nhiệm vụ thư viện, thiết bị thí nghiệm để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác.

6. Đối với công tác dạy và học tại các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn các xã vùng khó khăn của Thành phố (Kỳ Thượng, Đồng Sơn, Đồng Lâm, Tân Dân), Thành phố đã ban hành Quy chế luân chuyển³¹ giáo viên, hàng năm đều triển khai thực hiện luân chuyển đúng quy định để đảm bảo cho công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục đối với các trường vùng khó khăn.

V. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

Số học sinh, số lớp tăng nhanh, một số trường tiểu học đã vượt quá 30 lớp/trường; việc bổ sung hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định mới gặp nhiều khó khăn; đội ngũ giáo viên thiếu (do thực hiện chính sách tinh giản biên chế), cơ cấu một số bộ môn không đồng bộ.

Điều kiện kinh tế - xã hội của một số khu vực trên địa bàn còn nhiều khó khăn, đặc biệt tại các xã vùng cao; chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các địa bàn. Hệ thống cơ sở vật chất của một số trường đang xuống cấp hoặc do xây dựng ở giai đoạn trước nên không đảm bảo theo tiêu chuẩn mới, nhiều trường đang trong lộ trình xây dựng mới còn thiếu cơ sở vật chất, cần đầu tư khá nhiều nguồn lực để xây mới hoặc sửa chữa. Các trường mầm non thuộc vùng miền núi còn gặp những khó khăn nhất định trong công tác huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ để tổ chức thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

VI. Một số bài học kinh nghiệm

³¹Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc ban hành Quy chế luân chuyển giáo viên các trường học công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và toàn dân để từ đó xây dựng các chương trình phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội nhằm huy động các lực lượng xã hội trực tiếp tham gia và hỗ trợ các hoạt động giáo dục, tạo sự đồng thuận ủng hộ của toàn xã hội, trong đó sự chủ động của ngành giáo dục về thông tin cho xã hội, tham mưu với các cấp uỷ đảng và chính quyền thành phố trong tổ chức thực hiện là hết sức quan trọng và có ý nghĩa quyết định;

2. Phải có sự đồng bộ về đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao nhận thức xã hội, chất lượng đội ngũ cán bộ và giáo viên, sự hỗ trợ của hệ thống thông tin truyền thông. Các cấp quản lý giáo dục phải tích cực đề xuất với các cấp có thẩm quyền những vấn đề có tính chất chiến lược cho phát triển giáo dục. Phải bám sát thực tiễn, bám sát cơ sở một cách có kế hoạch, nắm bắt được những khó khăn, yếu kém của từng đơn vị để có biện pháp kiểm tra, giúp đỡ và tháo gỡ, giải quyết kịp thời dứt điểm những vướng mắc, phát sinh;

3. Coi trọng công tác cán bộ, đề cao trách nhiệm, vai trò tiên phong gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên, dám nghĩ, dám làm, nhất là người đứng đầu đơn vị; chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch những giáo viên có tâm, có tầm, có năng lực đề bạt cán bộ quản lý, xây dựng cán bộ nguồn cho các trường và cho ngành;

4. Phối hợp và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội, nhất là tổ chức Công đoàn, để tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết của cán bộ, công chức, viên chức, lao động toàn ngành, góp phần cùng với chuyên môn hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục đề ra. Coi trọng công tác thanh, kiểm tra; đánh giá trung thực kết quả học tập, lao động, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị. Thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến.

PHẦN THỨ BA

Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

I. Dự báo tình hình

1. Cơ hội:

- Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến phát triển Giáo dục và Đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược. Trong đó: **Mũi đột phá Thứ hai xác định:** Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để giáo dục tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tạo thời cơ để phát triển GD&ĐT tại thành phố Hạ Long; Nhiều thiết bị hỗ trợ dạy học hiện đại (thiết bị tiên tiến) đã được trang bị, hạ tầng cơ sở vật chất từng bước được đầu tư để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục; Đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp, đổi mới công tác quản lý sẽ là hướng phát triển trọng tâm của các nhà trường. Chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho giáo viên đa dạng, thuận lợi cho cán bộ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt.

2. Thách thức

- Hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường làm nảy sinh những vấn đề mới như nguy cơ xâm nhập của văn hóa và lối sống không lành mạnh làm ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và ảnh hưởng đến việc học tập, hiệu quả giáo dục, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

- Áp lực tinh giản biên chế ảnh hưởng đến quy mô, chất lượng giáo dục của Thành phố nói chung và các nhà trường nói riêng. Từng bước rút ngắn khoảng cách giáo dục giữa vùng thuận lợi và vùng khó khăn trên địa bàn toàn thành phố để đảm bảo công bằng giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện là yêu cầu đặt ra đối với ngành GD&ĐT thành phố.

II. Phương hướng

1. Tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh, Thành phố. Quan tâm quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho chất lượng dạy và học; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, tiếp tục đổi mới chất lượng dạy và học, hướng đến chuẩn khu vực.

2. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, có tính tương tác cao giữa giáo viên và học sinh; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, đổi mới công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển nhằm nâng cao chất lượng nhà giáo và cán bộ quản lý; tăng cường rà soát, đánh giá, bồi dưỡng theo chuẩn và sắp xếp phù hợp đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện có hiệu quả việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

3. Tiếp tục tăng cường môi trường học tập và sử dụng ngoại ngữ ở các cấp học, các đối tượng; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với phát triển của Thành phố. Duy trì và giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục

tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tăng tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc quản lý dạy thêm, học thêm và công tác thu chi tài chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn đúng quy định.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết 29-NQ/TW, Chương trình 26 của Tỉnh ủy, Chương trình 21 của Thành ủy và các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ các năm học nhằm tạo sự thống nhất, đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội đối với phát triển giáo dục và đào tạo.

2. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các cuộc vận động, các phong trào thi đua của Ngành và trở thành hoạt động thường xuyên trong các nhà trường, các cơ sở giáo dục. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục; thực hiện nghiêm túc công tác thi tuyển các chức danh quản lý đối với giáo dục.

3. Tiếp tục triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU và Kế hoạch số 36/KH-UBND của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, đồng thời tiếp tục rà soát quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường kiểm tra việc thực hiện, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giáo dục của các địa phương, đảm bảo trường đạt chuẩn quốc gia và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trên địa bàn.

4. Củng cố, giữ vững các chỉ tiêu về kết quả xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện phổ cập Giáo dục mầm non trẻ dưới 5 tuổi. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng, tạo cơ hội học tập suốt đời cho nhân dân.

5. Tiếp tục rà soát, quy hoạch và bố trí giáo viên, nhân viên phù hợp với vị trí việc làm; có kế hoạch về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng bảo đảm đội ngũ giáo viên đủ số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới; xác định nhu cầu giáo viên theo lộ trình để có biện pháp tham mưu giải quyết số giáo viên thừa, thiếu cục bộ, giáo viên chưa đạt chuẩn và bổ sung đội ngũ giáo viên còn thiếu, đặc biệt giáo viên tin học và ngoại ngữ. Thực hiện thu hút nguồn giáo viên chất lượng cao vào làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông; thực hiện đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn; triển khai bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo lộ trình đối với các khối lớp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; tiếp tục triển khai Kế hoạch số

223/KH-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020-2025. Chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học.

6. Ngành giáo dục tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND Thành phố về Kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện Kế hoạch theo lộ trình. Tham mưu, thực hiện xây dựng cơ sở vật chất trường học đảm bảo yêu cầu theo quy định, đảm bảo tiêu chí nông thôn mới về trường học trên địa bàn các xã. Các trường thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Chú trọng thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tư vấn trong thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của các nhà trường.

7. Tập trung các giải pháp tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục, giữ vững đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh về chất lượng giáo dục đào tạo. Tăng cường biện pháp giáo dục kỹ năng, kinh nghiệm, phương pháp học tập chủ động đối với học sinh; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục thể chất, định hướng nghề nghiệp trong các trường trung học phổ thông; tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe; giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục về chủ quyền biển, đảo, tiết kiệm năng lượng; tăng cường công tác quản lý, phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự; phòng chống tội phạm, ma túy và tệ nạn xã hội trong trường học.

8. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên; đồng thời đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực giáo dục. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm không đúng quy định,

9. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đối với các cơ sở giáo dục theo hướng phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ CBQL. Thực hiện công khai hóa về chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục, thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

10. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dạy học, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, hình thành nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của tổ chức, cá nhân về thực trạng giáo dục trên địa bàn thành phố.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Với Chính phủ: Hiện nay, do dân số tăng nhanh dẫn đến quá tải về sĩ số học sinh đối với các trường tiểu học công lập, nhất là đối với các khu vực trung tâm thành phố, việc các trường ngoài công lập phát triển cũng đã tạo ra thuận lợi trong việc giảm tải số lượng học sinh trên địa bàn. Do đó, để đảm bảo sự công bằng trong giáo dục, đề nghị Chính phủ nghiên cứu chính sách miễn học phí hoặc bù đắp một phần từ ngân sách Nhà nước cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập đối với học sinh khối tiểu học.

2. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp Bộ Nội vụ xem xét đề quy định tỷ lệ học sinh/ lớp với mức tối đa cho vùng có điều kiện thuận lợi và mức tối thiểu cho vùng miền núi, hải đảo để giao biên chế giáo viên phù hợp với điều kiện thực tế vùng miền, không theo tỉ lệ bình quân vì thực tế có những địa phương vùng trung tâm sĩ số học sinh/ lớp đông, trong khi có những vùng miền núi chỉ có rất ít học sinh/ lớp.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn xây dựng tiêu chí trường chất lượng cao để có căn cứ thu hút đầu tư, thực hiện đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục; xây dựng phương án tự chủ trong giáo dục; chuyển đổi mô hình giáo dục.

- Về chế độ chính sách đối với học sinh: Đề nghị có hướng dẫn thay thế đối với những hồ sơ hưởng chế độ học sinh cần phải có sổ hộ khẩu (như hỗ trợ cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập...).

- Về chế độ đối với giáo viên: Khi có Quyết định ra khỏi vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, có chế độ hỗ trợ kéo dài cho những đối tượng ở vùng khó ít nhất cho đến khi cơ sở hạ tầng tại các xã, thôn đảm bảo các điều kiện về giao thông, khoảng cách di chuyển đến các điểm trường.

3. Với UBND tỉnh

- Kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ sớm có Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ³² về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để tạo điều kiện thuận lợi cho các trường trong ký hợp đồng lao động, đặc biệt là đối với vị trí giáo viên.

- Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức chi phí áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng phương án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Với Sở GD&ĐT

³² Nghị định 111/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và thay thế cho Nghị định số [68/2000/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Điều 3 Nghị định số [161/2018/NĐ-CP](#) ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Khoản 2 Điều 7 Nghị định số [06/2013/NĐ-CP](#) ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp; Nghị quyết số [102/NQ-CP](#) ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế

- Sở GD&ĐT tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện theo kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thực hiện nâng chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS giai đoạn 2020-2025.

- Có hướng dẫn về lập phương án tự chủ, ý kiến với Sở Tài chính trong việc cấp kinh phí tiền lương theo biên chế tính định biên.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” của Ủy ban nhân dân Thành phố Hạ Long./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- TT Thành ủy; HĐND Thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- V0-V2;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sơn

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH TỪ 2013 - THÁNG 02/2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW

(Kèm theo Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 14/4/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

STT	Số, trích dẫn văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Hiệu lực
1	Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 26/4/2013 “về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”	26/4/2013	Còn hiệu lực
2	Công văn số 684-CV/TU ngày 20/9/2021 của Thành uỷ Hạ Long về tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng gắn với Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 04/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.	20/9/2021	Còn hiệu lực
3	Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 22/3/2016 của UBND thành phố Hạ Long " về việc thực hiện Đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ là học sinh thành phố Hạ Long";	22/3/2016	Còn hiệu lực
4	Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 26/03/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn thành phố Hạ Long;	26/3/2020	Còn hiệu lực
5	Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1677/QĐ-TTg, ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn thành phố Hạ Long;	26/3/2020	Còn hiệu lực
6	Kế hoạch hành động số 243/ KH- UBND ngày 07/9/2020 về Thực hiện Quyết định số 628/ QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của TTCP ban hành kế hoạch thực hiện kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “ Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội nghĩa và hội nhập quốc tế”;	7/9/2020	Còn hiệu lực
7	Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND Thành phố “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì và xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021 – 2025”;	20/9/2021	Còn hiệu lực

8	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND thành phố “Thực hiện Chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo Hạ Long giai đoạn 2021 – 2025”;	24/9/2021	Còn lực	hiệu
9	Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND Thành phố “Triển khai, thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo của thành phố Hạ Long năm học 2021 – 2022 theo Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 04/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng”;	24/9/2021	Còn lực	hiệu
10	Kế hoạch số 321/KH-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố “Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2021-2025 tại các trường mầm non, phổ thông công lập trực thuộc trên địa bàn thành phố Hạ Long”;	05/11/2021	Còn lực	hiệu
11	Kế hoạch 271/UBND ngày 16/9/2021 của UBND Thành phố về thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn Thành phố Hạ Long;	16/9/2021	Còn lực	hiệu
12	Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND thành phố Hạ Long về việc thực hiện nhiệm vụ PCGD, xóa mù chữ trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2021-2025;	12/3/2021	Còn lực	hiệu
13	Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND thành phố Hạ Long về việc thực hiện nhiệm vụ PCGD, xóa mù chữ trên địa bàn thành phố năm 2021	12/3/2021	Còn lực	hiệu
14	Công văn số 10893/UBND-GD ngày 06/11/2020 của UBND thành phố Hạ Long “ <i>về việc tăng cường quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong các trường học, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố</i> ”	6/11/2020	Còn lực	hiệu
15	Quyết định số 6643/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long về việc ban hành Quy chế luân chuyển giáo viên các trường học công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố	12/8/2021	Còn lực	hiệu

PHỤ LỤC 2

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong Chương trình 26-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TU về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

TT	Các chỉ tiêu tiêu phân đầu	Đạt		Không đạt	
		Số lượng	%	Số lượng	%
A	Đến năm 2015 (6 chỉ tiêu)				
I	Giáo dục mầm non				
1	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi		100		
2	Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo		100		
3	Đảm bảo 100% trường mầm non đảm bảo tốt các điều kiện để nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ		100		
II	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học				
1	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên có đủ khả năng tiếp nhận 15% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở		30		
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73%		89,2		
3	Số sinh viên tất cả các hệ đào tạo đạt ít nhất 300/vạn dân				
B	Từ năm 2015 đến năm 2020 (1 chỉ tiêu)				
I	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học				
1	Trước năm 2020 hoàn thiện hệ thống cơ sở đào tạo thuộc tỉnh để chủ động cung cấp nhân lực cho các ngành kinh tế, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh				
C	Đến năm 2020 (26 chỉ tiêu)				
I	Giáo dục mầm non				
1	Có ít nhất 40% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		36		
2	Có 90% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		96,7		
3	Tỷ lệ trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi), thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đều giảm xuống dưới 5%		0,05		
II	Giáo dục phổ thông				
4	Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1		100		
5	100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học		100		

	vào lớp 6					
6	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học là 99%		99,9			
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở trung học cơ sở là 95%		99,7			
8	30% học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được phân luồng học trung cấp nghề hoặc học trung cấp chuyên nghiệp				19,5	
9	90% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương		98,8			
III	Giáo dục thường xuyên					
10	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 trở lên đạt 98%					
11	Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt thấp nhất là 99,5%	236598	99,7			
IV	Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học					
12	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng với các cơ sở giáo dục thường xuyên có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở	02	30			
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 89%		89,2			
14	Số sinh viên tất cả các hệ đào tạo đạt ít nhất 400/vạn dân					
V	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên, nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn					
15	100% cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị	238	100			
16	100% giáo viên mầm non đạt chuẩn,			753	90,7	
17	70% giáo viên mầm non có trình độ đào tạo trên chuẩn	753	81,3			
18	100% giáo viên giáo dục phổ thông đạt chuẩn			1885	80,4 5	
19	100% giáo viên tiểu học có trình độ đào tạo trên chuẩn			30	2,33	
20	90% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đào tạo trên chuẩn			85	9,0	
21	20% giáo viên trung học phổ thông có trình độ đào tạo trên chuẩn	246	37,2			
22	40% giảng viên trường trung cấp chuyên nghiệp, có trình độ thạc sĩ trở lên					
23	70% giảng viên trường cao đẳng có trình độ thạc sĩ trở lên					
24	100% giảng viên các trường đại học thuộc tỉnh có trình độ thạc sĩ trở lên					
25	100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn	3645	100			

26	90% trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia			68	56,7	
----	---	--	--	----	------	--

PHỤ LỤC 3
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 - THÁNG 02/2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	15.830	639	44	11	404	332	742	742
2014	17.509	637	44	11	448	390	824	824
2015	17.795	1276	46	12	464	406	881	881
2016	18.867	772	46	12	484	427	910	910
2017	19.031	851	46	12	491	437	945	945
2018	19.512	788	46	12	533	496	954	954
2019	19.710	777	47	13	573	539	1004	1004
2020	20.697	791	47	13	581	557	978	847
2021	20.417	705	47	13	567	552	958	821
2022	21.696	643	47	13	569	554	946	820
Tháng 02/2023	22.562	689	47	13	568	553	952	793

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học mầm non; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường mầm non; (4). Số trường mầm non ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học mầm non; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên mầm non; (8). Số giáo viên mầm non đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 4
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - THÁNG 02/2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	21890	1741	21	0	696	650	1147	1147
2014	24100	1927	21	0	755	662	1204	1204
2015	25765	1981	21	0	755	670	1195	1195
2016	27785	2189	21	0	845	748	1284	1284
2017	29535	2244	21	0	886	802	1307	1307
2018	31678	2488	21	0	928	854	1306	1306
2019	33116	2596	21	0	990	923	1415	1415
2020	34069	2779	21	0	1061	1002	1403	1129
2021	35114	2854	21	0	1084	1052	1429	1135
2022	35270	2931	21	0	1080	1054	1463	1228
Tháng 02/2023	34075	2960	21	0	989	963	1430	1232

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học tiểu học (TH); (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 - THÁNG 02/2023

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	12972	1048	37	0	397	375	826	826
2014	13178	970	37	0	412	392	875	875
2015	14334	1009	37	0	423	403	833	833
2016	13944	966	37	0	426	406	811	811
2017	15929	1053	37	0	452	432	833	833
2018	16788	1149	35	0	490	469	834	834
2019	18589	1141	35	0	536	514	876	876
2020	20598	1220	35	0	584	568	890	823
2021	22246	1287	35	0	624	612	952	848
2022	23248	1314	35	0	639	627	968	847
Tháng 02/2023	23199	1339	35	0	634	622	954	844

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 6
SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 - THÁNG 02/2023
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 4/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	7528	645	16	8	274	274	539	533
2014	8359	643	16	8	276	276	553	544
2015	8130	620	16	8	276	276	556	546
2016	8226	657	16	8	277	277	554	554
2017	8436	670	16	8	277	277	564	564
2018	8497	655	16	8	287	287	571	571
2019	9223	651	17	9	313	313	592	592
2020	9699	668	17	9	321	321	607	607
2021	10176	733	17	9	328	328	635	635
2022	10444	758	17	9	328	328	657	657
Tháng 02/2023	11083	778	17	9	329	329	661	661

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 9
THỐNG KÊ HIỆU QUẢ GIÁO DỤC
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

Năm học	Số trường	Tổng số học sinh	Cấp THCS					Cấp THPT				
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2013	2	439	32	7	21	2	2	95	10	0	15	70
2014	2	439	35	8	23	2	2	95	12	0	14	69
2015	2	439	39	8	25	3	3	95	18	0	13	64
2016	2	419	34	8	18	5	3	94	43	0	10	43
2017	2	412	29	7	15	6	1	96	38	0	8	50
2018	2	420	26	7	14	4	1	89	35	0	8	46
2019	2	423	28	6	8	13	1	97	23	0	4	70
2020	2	423	32	6	14	12	0	103	31	0	22	50
2021	2	358	28	6	5	17	0	102	55	0	5	42
2022	2	123	24	9	1	9	5	101	38	0	6	57

Ghi chú: (1) Số học sinh tốt nghiệp THCS; (2) Số học sinh tiếp tục học tiếp lên trường nội trú THPT; (3) Số học sinh đi học các trường THPT; (4) Số học sinh học nghề; (5) Số học sinh về địa phương; (6) Số học sinh tốt nghiệp THPT; (7) Số học sinh vào đại học, cao đẳng; (8) Số học sinh học đại học hệ cử tuyển; (9) Số học sinh học nghề; (10) Số học sinh về địa phương.

PHỤ LỤC 11
MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2013 - THÁNG 02/2023

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013	72.4	100%	0,6	11,3		71,76	54,92		
2014	74.7	100%	0,5	11,2		73,62	58,02		
2015	73.8	100%	0,4	11,2		75,45	59,79		
2016	72.0	100%	0,4	11,1		77,50	62,32		
2017	72.7	100%	0,3	12,5		79,72	63,87		
2018	74.7	100%	0,3	15,9		81,91	65,55		
2019	75.2	100%	0,2	16,1		84,50	66,79		
2020	76.6	100%	0,05	17,6		86,80	68,06		
2021	75.3	100%	0,03	18,9		88,00	70,01		
2022	75.0	100%	0,01	19,2		89,20	71,9		

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCI); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).